

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC MÔI TRƯỜNG

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ HÌNH DU LỊCH
NÔNG THÔN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thuộc nhiệm vụ: Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển du lịch nông
thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
(Thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới)

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH	iv
LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH NÔNG THÔN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	2
1.1. Khái niệm, nguyên tắc.....	2
1.1.1 Khái niệm:	2
1.1.2 Nguyên tắc:	2
1.2. Tổng quan các quy định pháp lý về du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường	4
1.2.1. Các quy định của Trung ương:.....	4
1.2.2. Các quy định của địa phương.....	8
1.2.3. Tiêu chí/Yêu cầu về du lịch nông thôn trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.....	9
1.3. Nhu cầu và xu thế du lịch nông thôn trong thời gian tới	11
1.3.1. Hiện trạng du lịch nông thôn.....	11
1.3.2. Xu thế phát triển du lịch nông thôn trong tương lai.....	13
CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DU LỊCH NÔNG THÔN	15
2.1. Hướng dẫn thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường trong du lịch nông thôn.....	15
2.1.1. Các loại chất thải và chiến lược quản lý chất thải	15
2.1.2. Quản lý chất thải khu vực du lịch	16
2.2. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học	32
2.3. Truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	35
2.4. Hướng dẫn lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quy hoạch, xây dựng và vận hành các điểm du lịch nông thôn.....	38
CHƯƠNG 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ MÔ HÌNH DU LỊCH NÔNG THÔN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	40
3.1 Mô hình nông nghiệp trải nghiệm.....	40
3.1.1. Mô tả mô hình:	40
3.1.2. Cấu trúc mô hình:	40
3.1.3. Các yêu cầu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:	40
3.1.4. Các bên tham gia mô hình và vai trò, trách nhiệm:	41
3.1.5. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành:.....	41

3.2. Mô hình du lịch cộng đồng	43
3.2.1. Mô tả:	43
3.2.2. Cấu trúc mô hình:.....	44
3.2.3. Các yêu về bảo vệ môi trường	44
3.2.4. Các bên tham gia mô hình và vai trò, trách nhiệm:	44
3.2.5. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành.....	45
3.3. Mô hình kết hợp du lịch làng nghề, cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP và chuỗi giá trị xanh.....	46
3.3.1. Mô tả:	46
3.3.2. Cấu trúc mô hình	47
3.3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	47
3.3.4. Các bên tham gia mô hình và vai trò, trách nhiệm:	47
3.3.5. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành.....	48
3.4. Mô hình du lịch nông thôn gắn với giáo dục bảo vệ môi trường	50
3.4.1. Mô tả mô hình:	50
3.4.2. Cấu trúc mô hình	50
3.4.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường	50
3.4.4. Các hạng mục của mô hình	51
3.4.5. Các bên tham gia	51
3.4.6. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành.....	51

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Mối quan hệ giữa Tiêu chí về bảo vệ môi trường với Du lịch nông thôn	11
Bảng 2. Biện pháp thực hiện phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường	17
Bảng 3. Biện pháp thực hiện quản lý, xử lý chất thải	19
Bảng 4. Biện pháp thực hiện bảo vệ môi trường không khí và kiểm soát tiếng ồn	22
Bảng 5. Biện pháp thực hiện quản lý chất lượng nước sử dụng	25
Bảng 6. Biện pháp thực hiện quản lý nhà vệ sinh.....	27
Bảng 7. Biện pháp thực hiện bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học	32

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ tổng quan các quy định về bảo vệ môi trường nông thôn	5
Hình 2. Yêu cầu về xây dựng phương án/kế hoạch kiểm soát chất thải	17
Hình 3. Các yêu cầu về quản lý, xử lý chất thải.....	19
Hình 4. Yêu cầu bảo vệ môi trường không khí và kiểm soát tiếng ồn	22
Hình 5. Yêu cầu về quản lý chất lượng nước.....	25
Hình 6. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với công trình vệ sinh.....	27
Hình 7. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với công trình vệ sinh.....	32
Hình 8. Yêu cầu về truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường....	36
Hình 9. Cấu trúc mô hình nông nghiệp trải nghiệm.....	40
Hình 10. Cấu trúc mô hình di lịch sinh thái	44
Hình 11. Cấu trúc mô hình du lịch làng nghề, cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP và chuỗi giá trị xanh.....	47
Hình 11. Cấu trúc mô hình du lịch nông thôn gắn với giáo dục bảo vệ môi trường	50

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh và chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn, du lịch nông thôn đang trở thành một hướng đi quan trọng góp phần nâng cao thu nhập, bảo tồn văn hóa và cải thiện chất lượng môi trường sống cho cộng đồng. Tại Việt Nam, du lịch nông thôn không chỉ mở ra cơ hội phát triển kinh tế địa phương mà còn tạo động lực thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng bền vững.

Tuy nhiên, sự gia tăng nhanh chóng của các hoạt động du lịch tại khu vực nông thôn cũng đặt ra nhiều thách thức về bảo vệ môi trường như phát sinh chất thải rắn, ô nhiễm nguồn nước, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, biến đổi cảnh quan và ảnh hưởng đến văn hóa - xã hội của cộng đồng địa phương. Do đó, việc xây dựng và áp dụng các hướng dẫn cụ thể về bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch nông thôn là yêu cầu cấp thiết, nhằm đảm bảo vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng du lịch, vừa duy trì và phục hồi cảnh quan sinh thái, bảo tồn bản sắc văn hóa, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Tài liệu “Hướng dẫn thực hiện mô hình du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường” được biên soạn nhằm hỗ trợ các địa phương, chủ thể du lịch, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và cộng đồng dân cư trong việc vận dụng các quy định pháp luật hiện hành, hiểu rõ nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, đồng thời cung cấp quy trình, yêu cầu, kiến thức và các mô hình thực tiễn để triển khai hiệu quả hoạt động du lịch nông thôn theo định hướng thân thiện môi trường.

Tài liệu gồm ba chương chính:

Chương 1: Trình bày tổng quan lý luận và thực tiễn về du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường, bao gồm khái niệm, nguyên tắc, thực trạng phát triển tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;

Chương 2: Hướng dẫn chi tiết các yêu cầu và biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch nông thôn, từ phòng ngừa - kiểm soát chất thải, bảo vệ tài nguyên - đa dạng sinh học đến các yếu tố môi trường xã hội và truyền thông;

Chương 3: Giới thiệu một số mô hình du lịch nông thôn tiêu biểu gắn với bảo vệ môi trường, có thể áp dụng linh hoạt theo điều kiện từng địa phương.

Tài liệu kỳ vọng sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý, địa phương và các chủ thể tham gia hoạt động du lịch nông thôn trong quá trình xây dựng, vận hành và nhân rộng các mô hình du lịch xanh, qua đó đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển nông thôn Việt Nam theo hướng sinh thái, văn minh và bền vững.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH NÔNG THÔN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mục tiêu của chương này là tổng quan các khái niệm, nguyên tắc và yêu cầu về du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường; phân tích các tác động của du lịch đến môi trường nói chung và môi trường nông thôn nói riêng; Tổng hợp các quy định pháp lý về phát triển du lịch nông thôn gắn với BVMT.

1.1. Khái niệm, nguyên tắc

1.1.1 *Khái niệm:*

Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2017 thì “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác”. Đây là khái niệm chính thống được sử dụng phổ biến trong tất cả văn bản liên quan đến du lịch tại Việt Nam, thiên về mục đích quản lý hành chính để quản lý. Bên cạnh đó, một số khái niệm du lịch khác lại nhấn mạnh đến tính chất khoa học của khái niệm này.

Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), du lịch nông thôn là “hoạt động du lịch trong đó trải nghiệm của du khách liên quan đến các sản phẩm gắn với thiên nhiên, nông nghiệp, văn hóa nông thôn, câu cá và ngắm cảnh”¹.

Du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường (DLNT – BVMT) là sự kết hợp giữa phát triển du lịch tại các khu vực nông thôn với các phương thức canh tác sinh thái, giữ gìn cảnh quan và nâng cao ý thức bảo vệ tự nhiên. Loại hình này giúp người dân địa phương tăng thu nhập, đồng thời khuyến khích bảo tồn rừng, đất đai, nguồn nước và bản sắc văn hóa địa phương².

1.1.2 *Nguyên tắc:*

Du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo tồn môi trường tự nhiên, gìn giữ bản sắc văn hóa và nâng cao chất lượng đời sống của cộng đồng. Các nguyên tắc gồm:

Nguyên tắc 1: Phát triển bền vững

¹ European Parliamentary Research Service: Rural tourism

² Tạp chí Kinh tế và dự báo: Kinh nghiệm phát triển du lịch nông nghiệp của một số nước trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam

- Hoạt động du lịch phải được xây dựng và vận hành theo hướng sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu chất thải, bảo vệ hệ sinh thái và đảm bảo sự cân bằng lâu dài giữa lợi ích kinh tế – xã hội và môi trường.

- Phát triển du lịch không được gây tổn hại đến môi trường tự nhiên, cảnh quan và đa dạng sinh học.

Nguyên tắc 2: Phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm

- Ưu tiên áp dụng các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu chất thải ngay tại nguồn; hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần; thu gom – xử lý chất thải đúng quy định; bảo vệ nguồn nước, đất và không khí tại khu vực du lịch.

- Cơ sở du lịch phải có quy trình quản lý chất thải phù hợp với quy mô và loại hình dịch vụ.

Nguyên tắc 3: Gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa – xã hội

- Phát triển du lịch phải tôn trọng và bảo tồn giá trị văn hóa, phong tục tập quán và lối sống của cộng đồng địa phương.

- Hoạt động du lịch không làm ảnh hưởng tiêu cực đến văn hóa bản địa mà cần góp phần nâng cao nhận thức, gìn giữ giá trị truyền thống.

Nguyên tắc 4: Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Khai thác tài nguyên phục vụ du lịch phải dựa trên mức độ chịu tải của hệ sinh thái; không khai thác quá mức tài nguyên rừng, đất, nước hoặc các loài sinh vật.

- Các khu vực nhạy cảm về môi trường phải có biện pháp bảo vệ, phục hồi phù hợp.

Nguyên tắc 5: Tham gia và đồng thuận của cộng đồng

- Cộng đồng địa phương là chủ thể quan trọng của du lịch nông thôn; các hoạt động du lịch phải đảm bảo sự tham gia thực chất của người dân trong lập kế hoạch, quản lý, vận hành và hưởng lợi.

- Lợi ích từ du lịch cần được phân chia công bằng, minh bạch.

Nguyên tắc 6: Sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả

- Các hoạt động du lịch cần áp dụng mô hình kinh tế xanh, tiết kiệm năng lượng, nước, nhiên liệu; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế; ưu tiên vật liệu thân thiện môi trường.

- Khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP xanh, sản phẩm dịch vụ địa phương có nguồn gốc bền vững.

Nguyên tắc 7: Bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường

- Cơ sở du lịch phải cung cấp đầy đủ các điều kiện về vệ sinh môi trường, nước sạch, an toàn thực phẩm và đảm bảo an toàn cho du khách và cộng đồng.

- Các hoạt động du lịch phải tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

Nguyên tắc 8: Truyền thông – giáo dục môi trường

- Du lịch nông thôn phải gắn với tuyên truyền, hướng dẫn du khách và cộng đồng về bảo vệ môi trường; lồng ghép hoạt động giáo dục môi trường vào trải nghiệm du lịch nhằm nâng cao ý thức của người dân và du khách.

Nguyên tắc 9: Đổi mới sáng tạo và phù hợp điều kiện địa phương

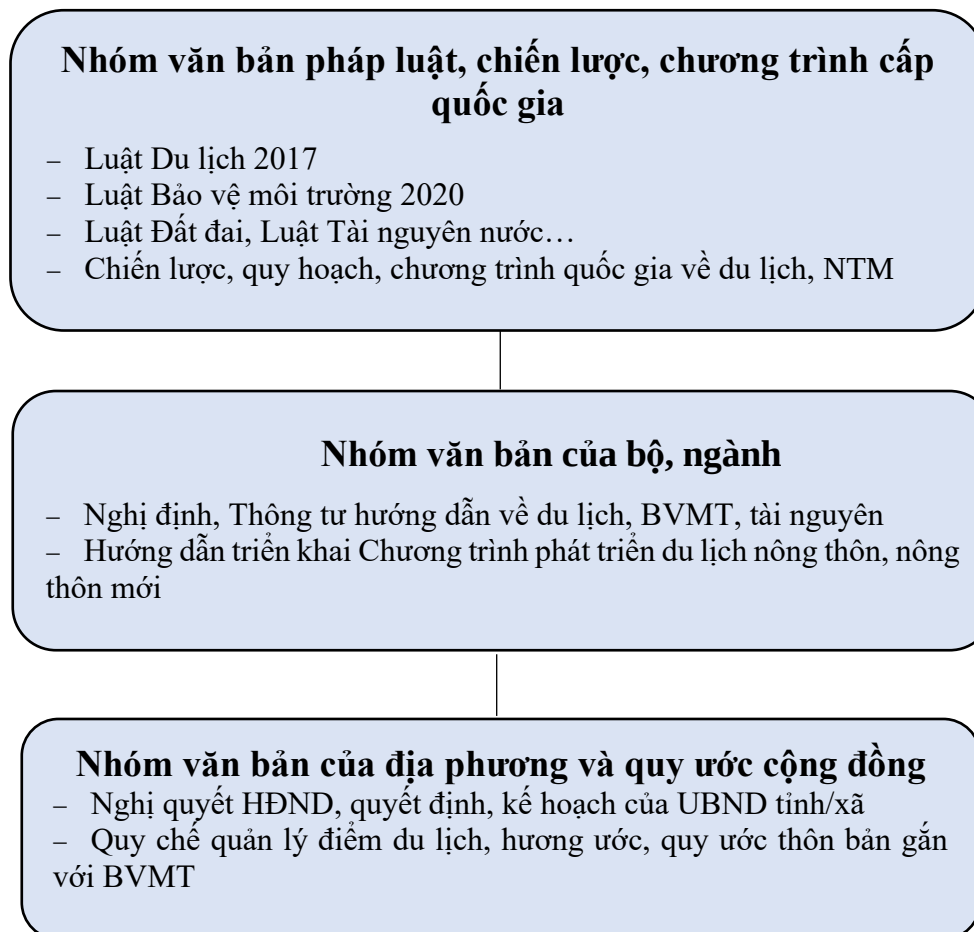
- Khuyến khích ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, giải pháp thông minh trong quản lý môi trường, quản lý chất thải và kết nối dịch vụ du lịch.

- Việc lựa chọn mô hình du lịch phải phù hợp với đặc điểm tự nhiên, văn hóa và nguồn lực của từng địa phương.

1.2. Tổng quan các quy định pháp lý về du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường

1.2.1. Các quy định của Trung ương:

Du lịch nông thôn gắn với bảo vệ môi trường là xu hướng phát triển bền vững đang được đặc biệt quan tâm. Loại hình này vừa tạo thêm nguồn thu cho nông dân, vừa giúp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa địa phương. Hệ thống các văn bản pháp luật quy định BVMT là một công cụ quan trọng để hình thành, tạo hành lang pháp lý phát triển du lịch nông thôn bền vững. Nhóm các văn bản quy định về du lịch nông thôn gắn với BVMT bao gồm cả văn bản cấp Trung ương và địa phương, mô tả như hình dưới



Hình 1. Sơ đồ tổng quan các quy định về bảo vệ môi trường nông thôn

*** Quy định của Luật Du lịch 2017 về bảo vệ môi trường trong du lịch**

Luật Du lịch 2017 quy định: “Môi trường du lịch phải được bảo vệ, tôn tạo và phát triển theo hướng xanh, sạch, đẹp, an toàn” (Điều 8), Luật này cũng giao nhiệm vụ cho địa phương và doanh nghiệp du lịch phải thu gom, xử lý chất thải phát sinh và khắc phục tác động tiêu cực do hoạt động mình gây ra. Luật quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường du lịch:

- Cơ quan quản lý cấp Trung ương có trách nhiệm: ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ, tôn tạo, phát triển môi trường du lịch, trong đó:

- Bộ NN&MT – chịu trách nhiệm về môi trường tự nhiên, phòng ngừa và khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường.
- Bộ Công an – đảm bảo an ninh, trật tự trong hoạt động du lịch.
- Bộ Văn hóa – Thông tin – xây dựng quy định về nếp sống văn minh, bảo vệ thuần phong mỹ tục.

- UBND các cấp: có trách nhiệm triển khai các biện pháp phù hợp để bảo vệ, tôn tạo và phát triển môi trường du lịch trên địa bàn (Khoản 3, Điều 9).

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch: phải thu gom và xử lý chất thải phát sinh; khắc phục các tác động tiêu cực đến môi trường; phòng chống tệ nạn xã hội tại cơ sở (Khoản 4, Điều 9).

- Khách du lịch và cộng đồng địa phương: có nghĩa vụ bảo vệ cảnh quan, môi trường; giữ gìn văn hóa, ứng xử văn minh (Khoản 5, Điều 9).

*** Quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 về môi trường trong hoạt động du lịch**

Luật BVMT 2020 quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch (Điều 66) cụ thể:

Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, địa điểm diễn ra lễ hội phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- Tuân thủ quy định, quy chế giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường;
- Thải bỏ chất thải đúng nơi quy định; hạn chế phát sinh chất thải nhựa;
- Giữ gìn vệ sinh công cộng;
- Không xâm hại cảnh quan môi trường và các loài sinh vật.

Ngoài ra, Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch phải thực hiện quy định sau (điều 59):

- Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát;

+ Xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

+ Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý;

+ Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Chiến lược Phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030**

Ngày 22/1/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, trong đó nổi bật các quan điểm về BVMT trong phát triển du lịch:

- Quan điểm: Khẳng định quan điểm phát triển du lịch bền vững, bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh.

- Yêu cầu quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

- Giao nhiệm vụ cho Bộ NN&MT: quản lý sử dụng tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; đề xuất chính sách du lịch xanh; xây dựng cơ chế phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại vườn quốc gia, khu bảo tồn.

*** Chương trình Phát triển du lịch nông thôn giai đoạn 2021–2025**

Ngày 02/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 922/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Một trong những nhiệm vụ đặt ra là: Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái; sử dụng các nguyên liệu thân thiện với môi trường; Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (trong đó có nhà vệ sinh, thu gom và xử lý rác thải, nước thải...) tại các điểm du lịch.

*** Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam đến năm 2030**

Ngày 30/10/2024 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phê duyệt theo Quyết định số 3222/QĐ-BVHTTDL Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam đến năm 2030. Đề án này nhằm phát triển du lịch cộng đồng bền vững, gắn với bảo tồn văn hóa và môi trường, nâng cao đời sống người dân nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

*** Quy tắc ứng xử bảo vệ môi trường trong du lịch**

Ngày 25/12/2020, Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch đã ban hành quy tắc ứng xử bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân quản lý địa điểm cụ thể:

- Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân thực hiện quy định pháp luật bảo vệ môi trường khi tham gia hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch tại địa điểm.

- Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý.

- Bố trí đầy đủ, hợp lý nhà vệ sinh đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong từng thời điểm cụ thể.

- Giảm thiểu chất thải phát sinh; lắp đặt, bố trí trang thiết bị, phương tiện bảo đảm thu gom, phân loại rác tại nguồn, bỏ chất thải đúng nơi quy định, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường và nhân lực kiểm tra việc thực hiện quy định bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt; khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường tại địa điểm.

- Thực hành tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, chất đốt, chất tẩy rửa; tăng cường sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường và năng lượng tái tạo (mặt trời, gió...) tại những khu vực có tiềm năng, lợi thế.

- Sử dụng phương tiện thân thiện với môi trường phục vụ lưu thông nội bộ.

- Thiết thực hưởng ứng chính sách, giải pháp hạn chế, tiến tới chấm dứt sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy tại địa điểm.

- Thu thập, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường để báo cáo, phản ánh, kiến nghị tới cơ quan có thẩm quyền.

1.2.2. Các quy định của địa phương

Trong những năm gần đây, nhiều địa phương trên cả nước đã ban hành hệ thống văn bản khá đa dạng nhằm phát triển du lịch nông thôn và du lịch cộng đồng gắn với bảo vệ môi trường. Nhóm văn bản phổ biến nhất là các Kế hoạch phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng do UBND tỉnh ban hành trong khuôn khổ Chương trình xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2021–2025). Các kế hoạch này được triển khai tại nhiều tỉnh như Bắc Kạn, Lào Cai, Thanh Hóa, Quảng Nam, Gia Lai, Lâm Đồng, Cần Thơ, Bến Tre..., trong đó tập trung vào phát triển điểm du lịch nông nghiệp, làng nghề, sản phẩm OCOP và du lịch sinh thái dựa trên cảnh quan tự nhiên và văn hóa đặc trưng của địa phương.

Song song với đó, nhiều tỉnh ban hành Đề án phát triển du lịch cộng đồng hoặc du lịch sinh thái – nông nghiệp để định hướng dài hạn cho từng vùng, như Đề án phát triển du lịch cộng đồng hồ Ba Bể (Bắc Kạn), Sa Pa (Lào Cai), Đồng Văn – Quản Bạ (Tuyên Quang), Hòa Bắc – Hòa Ninh (Đà Nẵng), du lịch nông nghiệp công nghệ cao Đà Lạt (Lâm Đồng), hay du lịch miệt vườn tại Cần Thơ và Hậu Giang. Các Đề án này thường bao gồm tiêu chí lựa chọn mô hình, định hướng đầu tư hạ tầng du lịch, giải pháp bảo tồn bản sắc văn hóa và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường.

Nhiều địa phương cũng ban hành Quy định hoặc Quy chế quản lý chất thải, cảnh quan và vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch nông thôn, trong đó yêu cầu phân loại rác tại nguồn, thu gom - xử lý chất thải rắn, bố trí nhà vệ sinh đạt chuẩn, hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần và đảm bảo an toàn nguồn nước phục vụ du khách. Một số tỉnh còn xây dựng Bộ tiêu chí/tiêu chuẩn du lịch cộng đồng kiểu

mẫu, tích hợp tiêu chí môi trường và an toàn sinh thái (như Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, Bến Tre), tạo cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng của các điểm du lịch.

Bên cạnh đó, các tỉnh có tiềm năng du lịch nông nghiệp hoặc sinh thái còn ban hành hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy chế quản lý hoạt động của các điểm du lịch, bao gồm hướng dẫn ứng xử, quy định về xây dựng - cải tạo cơ sở lưu trú, quy định bảo vệ tài nguyên rừng, nguồn nước và hệ sinh thái nông nghiệp. Nhiều văn bản cũng quy định rõ trách nhiệm của các hộ kinh doanh homestay, hợp tác xã du lịch và cộng đồng dân cư trong việc duy trì cảnh quan xanh - sạch - đẹp, bảo vệ môi trường xã hội và nâng cao trải nghiệm du khách.

Nhìn chung, hệ thống văn bản của địa phương có xu hướng tập trung vào ba nhóm nội dung chính:

(1) Quy hoạch/Kế hoạch/Đề án phát triển du lịch nông thôn gắn với nông nghiệp, văn hóa và sản phẩm OCOP;

(2) Quy định – quy chế về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải tại các điểm du lịch nông thôn;

(3) Bộ tiêu chí, hướng dẫn kỹ thuật về mô hình du lịch cộng đồng, homestay, du lịch sinh thái theo hướng bền vững.

Những văn bản này tạo nền tảng quan trọng để các địa phương tổ chức, quản lý và phát triển mô hình du lịch nông thôn theo hướng xanh, thân thiện môi trường và mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

1.2.3. Tiêu chí/Yêu cầu về du lịch nông thôn trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), du lịch nông thôn được xem là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế nông thôn và bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương. Các tiêu chí và yêu cầu về du lịch nông thôn được tích hợp chủ yếu trong Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu, thôn/bản du lịch NTM, và trong các hướng dẫn kỹ thuật của Bộ NN&PTNT (nay là Bộ NN&MT) và Bộ VH-TT&DL.

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong du lịch nông thôn góp phần đề: Đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập cho người dân; Khai thác hiệu quả tài nguyên nông thôn mà không gây suy thoái môi trường; Xây dựng mô hình nông thôn mới “xanh - sạch - đẹp - an toàn - đáng sống”; Gìn giữ bản sắc văn hóa, tạo sức hút du lịch bền vững. Các yêu cầu bao gồm:

*** Hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng và gắn với lợi thế địa phương**

- Xã/thôn phải xây dựng được sản phẩm du lịch đặc trưng, gắn với nông nghiệp, làng nghề, văn hóa bản địa hoặc sản phẩm OCOP.

- Có điểm du lịch nông thôn được công nhận theo hướng dẫn của Bộ VH-TT&DL hoặc được địa phương đánh giá đạt yêu cầu.

- Sản phẩm phải đảm bảo chất lượng, an toàn, có khả năng thu hút du khách và tạo sinh kế ổn định cho người dân.

*** Hạ tầng và cảnh quan phục vụ du lịch đạt chuẩn nông thôn mới**

- Hệ thống giao thông, điện, nước, biển báo, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, hệ thống thu gom rác thải... phải được nâng cấp đảm bảo an toàn, thuận tiện và thân thiện với môi trường.

- Cảnh quan nông thôn được chỉnh trang theo hướng xanh – sạch – sáng – đẹp, phù hợp bản sắc địa phương.

*** Bảo vệ môi trường và quản lý chất thải tại điểm du lịch**

- Điểm du lịch phải có phương án quản lý chất thải, nước thải, cơ sở vệ sinh đạt chuẩn; hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần.

- Có hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn du khách và cộng đồng thực hiện giữ gìn vệ sinh, bảo vệ không gian du lịch.

- Đảm bảo an toàn môi trường, không làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan.

*** Sự tham gia của cộng đồng và nâng cao năng lực**

Cộng đồng dân cư tham gia tổ chức, quản lý, vận hành dịch vụ du lịch thông qua tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc mô hình du lịch cộng đồng.

Người dân được tập huấn về kỹ năng du lịch, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, giao tiếp – ứng xử với du khách.

Đảm bảo lợi ích của người dân được tăng lên từ hoạt động du lịch.

*** Phát triển dịch vụ gắn với tiêu chí kinh tế – văn hóa – môi trường**

- Dịch vụ lưu trú (homestay), ẩm thực, trải nghiệm nông nghiệp, hướng dẫn viên... phải đảm bảo chất lượng, an toàn và thân thiện môi trường.

- Hoạt động du lịch phải gắn với giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo tồn không gian làng quê và các giá trị truyền thống.

Các yêu cầu về du lịch nông thôn và các tiêu chí về BVMT trong xây dựng NTM có mối quan hệ hỗ trợ, thúc đẩy (Bảng 1).

Bảng 1. Mối quan hệ giữa Tiêu chí về BVMT với Du lịch nông thôn

Tiêu chí 17 – Môi trường	Yêu cầu du lịch nông thôn	Mối quan hệ
Nước sạch, vệ sinh, xử lý chất thải	Cơ sở hạ tầng dịch vụ lưu trú, ăn uống an toàn	Tạo điều kiện phát triển du lịch cộng đồng chất lượng
Cảnh quan, cây xanh, xử lý nước thải	Môi trường sinh thái – cảnh quan hấp dẫn	Là yếu tố thu hút du khách
Quản lý môi trường làng nghề, sản xuất	Bảo tồn văn hóa – kinh tế địa phương	Giảm xung đột môi trường, tăng giá trị OCOP
Phân loại rác, tái chế	Du lịch xanh – bền vững	Gắn kết du khách với mô hình phát triển bền vững

1.3. Nhu cầu và xu thế du lịch nông thôn trong thời gian tới

1.3.1. Hiện trạng du lịch nông thôn

Việt Nam là đất nước nông nghiệp với 67% dân số sống ở nông thôn, khu vực sở hữu nguồn tài nguyên quan trọng đối với việc hình thành điểm đến và cung ứng các sản phẩm dịch vụ, hàng hóa cho ngành du lịch. Cảnh quan sinh thái, hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống; bản sắc văn hóa, phong tục tập quán được truyền tải qua kiến trúc nhà ở, trang phục, ẩm thực, đời sống hàng ngày của người dân tại khu vực nông thôn. Đây là những nét đặc sắc tạo nên bức tranh nông thôn Việt Nam phong phú, đa dạng, đồng thời là những yếu tố tài nguyên quan trọng, hấp dẫn để xây dựng các sản phẩm du lịch. Phát huy được tiềm năng này, khai thác và phát triển du lịch nông thôn không chỉ mang lại lợi nhuận cho các nhà kinh doanh du lịch mà còn tạo việc làm, tạo nguồn thu nhập cho người dân địa phương, đồng thời góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong thời gian qua, cùng với triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, hoạt động du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn đã được đầu tư khai thác tại nhiều địa phương, trong đó, đã hình thành hệ thống sản phẩm du lịch phong phú, đặc thù trải dài từ Bắc tới Nam. Các loại hình du lịch trang trại đồng quê, miệt vườn, trải nghiệm làm nông, du lịch sinh thái đã và đang phát triển, chiếm tỷ lệ ngày càng cao, bên cạnh các loại hình du lịch truyền thống. Sự liên kết giữa các doanh nghiệp lữ hành và các đơn vị cung ứng sản phẩm du lịch nông nghiệp ngày càng phát triển, tạo ra nhiều tour du lịch độc đáo, hấp dẫn, bước đầu được du khách đón nhận. Một số tour du lịch đã trở thành thương hiệu để thu hút

du khách trong và ngoài nước, điển hình như: tour một ngày làm nông dân cho du khách nước ngoài ở làng rau Trà Quế, phường Hội An Tây, Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng); tour du lịch miệt vườn sông nước Cửu Long (Cần Thơ, Đồng Tháp); tour thưởng ngoạn phong cảnh ruộng bậc thang mùa lúa chín ở vùng cao tại Hà Giang (nay là tỉnh Tuyên Quang), xã Mù Cang Chải, Yên Bái (nay là tỉnh Lào Cai), phường Sa Pa (Lào Cai), Pù Luông (Thanh Hóa), xã Mai Châu, Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ) tour du lịch nông nghiệp công nghệ cao ở Đà Lạt...

Du lịch nông thôn không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn là giải pháp xã hội toàn diện. Thông qua mô hình “cùng ăn, cùng ở, cùng lao động sản xuất” với du khách, người dân nông thôn được tạo sinh kế ổn định, gia tăng thu nhập và gắn bó với quê hương. Các sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, ẩm thực địa phương được tiêu thụ nhiều hơn, qua đó thúc đẩy sản xuất, bảo tồn nghề truyền thống và thu hút đầu tư vào khu vực nông thôn.

Ở góc độ xã hội, phát triển du lịch đã góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao ý thức bảo vệ cảnh quan, giữ gìn bản sắc văn hóa và xây dựng môi trường sống văn minh. Đặc biệt, mô hình du lịch xanh, du lịch sinh thái nông nghiệp đang khuyến khích lối sống thân thiện với môi trường, giảm phát thải, bảo tồn đa dạng sinh học và tạo nền tảng cho chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam.



Ảnh: Nhật Hạ

1.3.2. Xu thế phát triển du lịch nông thôn trong tương lai

Theo Báo cáo “Vai trò và xu hướng phát triển du lịch nông thôn trong quá trình hội nhập và định hướng trọng tâm giai đoạn 2026-2030” của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), du lịch nông thôn được xác định là một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch bền vững và xây dựng nông thôn mới. Với hơn 60% dân số sinh sống tại khu vực nông thôn, nơi đây không chỉ là không gian sản xuất mà còn là nền tảng văn hóa, xã hội và môi trường đặc trưng của đất nước.³

Trong giai đoạn mới của hội nhập và chuyển đổi kinh tế, du lịch nông thôn Việt Nam đang nổi lên như một hướng phát triển quan trọng, bắt nhịp với xu hướng tiêu dùng du lịch toàn cầu và yêu cầu của chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia. Báo cáo của Cục Du lịch Quốc gia và nhiều nghiên cứu thị trường cho thấy, nhu cầu du lịch đã thay đổi rõ rệt: từ nghỉ dưỡng thuần túy sang các trải nghiệm có tính cá nhân hóa, tương tác và gắn kết với văn hóa bản địa. Các xu thế chuyển đổi như sau:

*** Chuyển đổi về nhu cầu của du khách**

Nhu cầu du lịch toàn cầu chuyển từ nghỉ dưỡng thụ động sang trải nghiệm sâu, cá nhân hóa và gắn kết văn hóa bản địa. Du khách mong muốn tham gia các hoạt động đời sống nông thôn như trồng trọt, thu hoạch, chế biến ẩm thực, làm nghề truyền thống hay dự lễ hội làng. Bên cạnh du lịch biển, các loại hình du lịch sinh thái, du lịch núi, nghỉ dưỡng đồng quê, trải nghiệm (farmstay – villagestay) trở thành lựa chọn hàng đầu. Đây là sự dịch chuyển dài hạn, mở ra dư địa lớn cho các mô hình du lịch nông nghiệp và cộng đồng.

*** Chuyển đổi sang du lịch xanh - du lịch trách nhiệm**

Xu hướng tiêu dùng xanh ngày càng chi phối mạnh mẽ lựa chọn điểm đến. Du khách ưu tiên không gian xanh, dịch vụ thân thiện môi trường, hạn chế rác thải nhựa, tiết kiệm năng lượng và tôn trọng hệ sinh thái địa phương. Điều này yêu cầu các điểm du lịch nông thôn phải:

- Xanh hóa hạ tầng và cảnh quan;
- Cải thiện quản lý chất thải và nước thải;
- Sử dụng vật liệu, năng lượng tái tạo;
- Áp dụng tiêu chuẩn “du lịch xanh - du lịch bền vững”.

³ Báo đầu tư online: Du lịch nông thôn trong kỷ nguyên mới: Động lực xanh cho phát triển bền vững

Trong thời gian tới, bộ tiêu chí du lịch nông thôn xanh, hệ thống chứng nhận nhãn xanh và các mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ trở thành yêu cầu thiết yếu đối với các điểm đến.

*** Chuyển đổi số và phát triển du lịch thông minh**

Sự phát triển của công nghệ số, mạng xã hội, bản đồ số, thanh toán điện tử và nền tảng du lịch trực tuyến đang thay đổi hoàn toàn phương thức quảng bá, đặt dịch vụ và quản lý điểm đến. Nhờ công nghệ, các điểm du lịch nông thôn - kể cả ở vùng sâu, vùng xa - có thể:

- Tiếp cận nhanh thị trường du khách;
- Quảng bá sản phẩm OCOP và dịch vụ trải nghiệm hiệu quả;
- Tối ưu vận hành, nâng cao chất lượng phục vụ;
- Trực tuyến hóa đặt phòng, hướng dẫn, thanh toán và đánh giá.

Chuyển đổi số không chỉ là xu thế mà là điều kiện bắt buộc để du lịch nông thôn tăng sức cạnh tranh.

*** Chuyển đổi mô hình phát triển theo chuỗi giá trị**

Liên kết giữa du lịch - nông nghiệp - OCOP - làng nghề - doanh nghiệp lữ hành - cộng đồng đang trở thành “công thức thành công” cho du lịch nông thôn. Sự liên kết này giúp:

- Đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao trải nghiệm;
- Gia tăng giá trị nông sản và tiêu thụ sản phẩm OCOP;
- Tạo thu nhập ổn định cho người dân;
- Hình thành thương hiệu vùng và hệ sinh thái du lịch nông thôn bền vững.

Mô hình hợp tác xã du lịch cộng đồng, doanh nghiệp xã hội, tổ nhóm quản lý du lịch đang ngày càng được nhân rộng, góp phần chuyển vai trò của người dân từ “tham gia” sang “làm chủ” hoạt động du lịch.

*** Chuyển đổi trong quản trị phát triển – hướng tới xanh, chuyên nghiệp, thông minh**

Ngoài các xu thế thị trường và công nghệ, du lịch nông thôn đang bước vào giai đoạn cần nâng cấp toàn diện về quản trị, bao gồm:

- Quy hoạch tích hợp du lịch với nông nghiệp, xây dựng NTM;

- Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ;
- Đầu tư hạ tầng môi trường và hạ tầng du lịch;
- Nâng cao năng lực cộng đồng địa phương;
- Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ về tín dụng, đất đai, xúc tiến quảng bá, đào tạo nhân lực.

Giai đoạn 2026–2030, định hướng chung sẽ là du lịch nông thôn xanh - chuyên nghiệp - thông minh, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh, nâng cao thu nhập và phát triển nông thôn bền vững.

CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DU LỊCH NÔNG THÔN

2.1. Hướng dẫn thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường trong du lịch nông thôn

2.1.1. Các loại chất thải và chiến lược quản lý chất thải

Hoạt động du lịch nông thôn phát sinh nhiều loại chất thải khác nhau, xuất phát từ các dịch vụ ăn uống, lưu trú, sinh hoạt của du khách, hoạt động trải nghiệm, cũng như các hoạt động sản xuất nông nghiệp, chế biến và làng nghề xung quanh khu du lịch. Các loại hình chất thải trong khu/điểm du lịch bao gồm:

- Nhóm chất thải phổ biến nhất là chất thải rắn sinh hoạt như bao bì thực phẩm, dụng cụ ăn uống, túi nilon, đồ vật sử dụng một lần của du khách. Đối với nhóm chất thải này, cần áp dụng chiến lược giảm thiểu phát sinh ngay từ đầu, hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần, bố trí thùng phân loại tại nguồn, thu gom riêng chất thải tái chế, đi kèm hướng dẫn phân loại rõ ràng cho du khách và các hộ kinh doanh tại điểm du lịch.

- Một nhóm chất thải khác thường phát sinh tại các điểm du lịch nông thôn là chất thải hữu cơ từ hoạt động chế biến, nấu ăn, thực phẩm dư thừa và phụ phẩm nông nghiệp. Chiến lược quản lý đối với nhóm chất thải này là ưu tiên xử lý tại chỗ như ủ phân compost, tận dụng phụ phẩm làm thức ăn chăn nuôi khi phù hợp, đồng thời giảm phát sinh bằng cách tính toán khẩu phần vừa đủ và ưu tiên sử dụng nguyên liệu tại địa phương nhằm giảm bao bì đóng gói.

- Chất thải nhựa dùng một lần như chai nước, ống hút, cốc nhựa, túi nilon là vấn đề nổi bật hiện nay, đặc biệt tại các điểm du lịch có đông khách. Chiến lược quản lý tập trung vào việc hạn chế tối đa sử dụng, thay thế bằng vật liệu sinh học hoặc tái sử dụng, đồng thời triển khai chương trình “du lịch không rác nhựa”, khuyến khích du khách mang chai cá nhân và áp dụng các ưu đãi đối với sản phẩm xanh.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu lưu trú, nhà hàng, nhà vệ sinh và khu trải nghiệm ẩm thực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng đến cảnh quan và vệ sinh khu du lịch. Do đó, các điểm du lịch phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn, tách riêng nước thải với nước mưa, bố trí bể tách mỡ đối với khu chế biến, hạn chế sử dụng hóa chất tẩy rửa, đồng thời giám sát chất lượng nước thải xả ra môi trường. Theo dõi, giám sát chất lượng nước thải (đo pH, BOD, COD...) phù hợp với quy định của Luật BVMT.

- Đối với các điểm du lịch có hoạt động sản xuất (làng nghề, OCOP, trang trại, nông nghiệp), lượng phụ phẩm, bao bì, vật tư và phế thải phát sinh tương đối lớn, cần được thu gom đúng quy định, ưu tiên tái chế, hạn chế sử dụng bao bì khó phân hủy và giảm thiểu các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

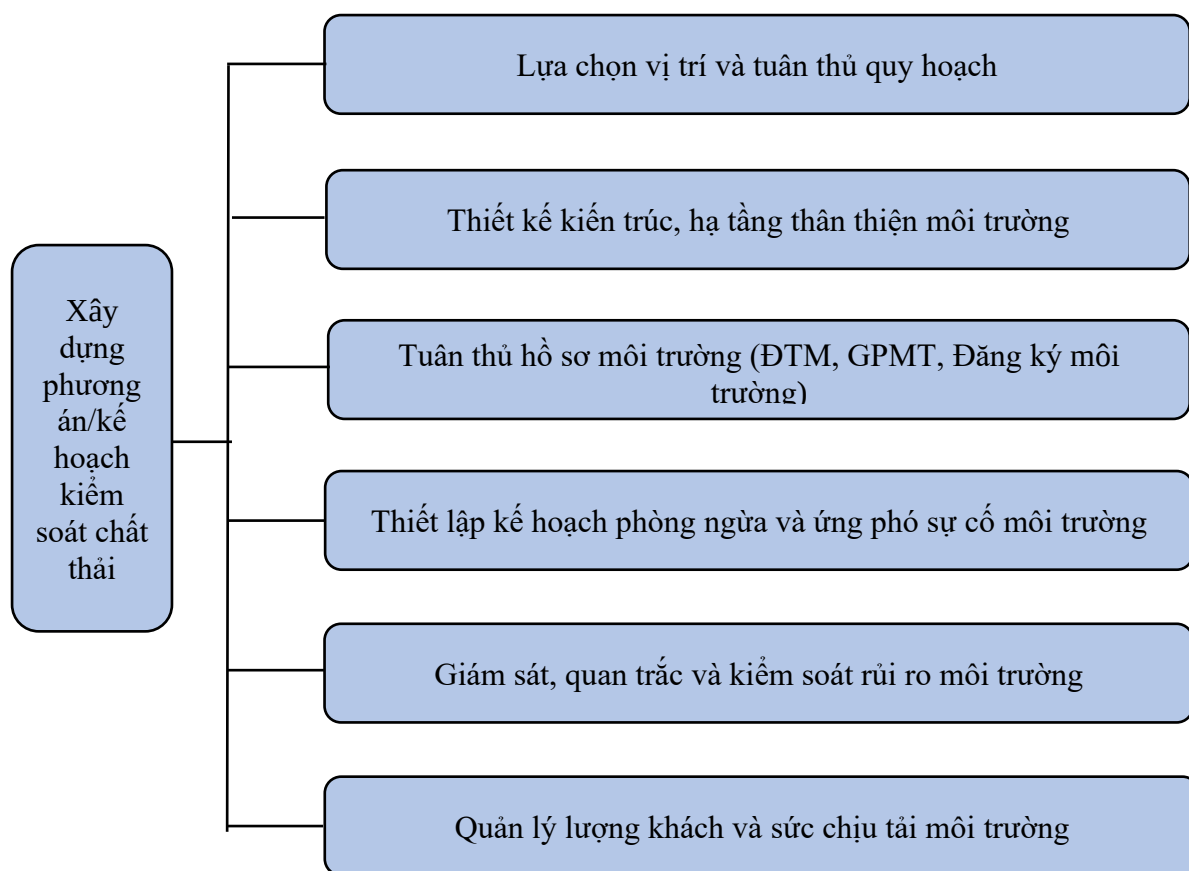
- Ngoài ra, một số chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt (như pin, bóng đèn huỳnh quang,...) và chất thải nguy hại như pin, bóng đèn, dầu mỡ, hóa chất tẩy rửa hoặc thuốc bảo vệ thực vật từ hoạt động nông nghiệp cần được thu gom riêng biệt, lưu giữ tạm thời đúng kỹ thuật và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Việc hạn chế sử dụng hóa chất độc hại, thay thế bằng vật liệu an toàn và nâng cao nhận thức của cộng đồng và du khách có ý nghĩa quan trọng trong quản lý nhóm chất thải này.

Như vậy, chiến lược quản lý chất thải tại điểm du lịch nông thôn không chỉ dừng lại ở việc thu gom và xử lý mà còn phải chú trọng phòng ngừa ngay tại nguồn, tận dụng tái chế, giảm thiểu nhựa dùng một lần, bảo đảm hệ thống nước thải đạt chuẩn và kiểm soát chặt chẽ chất thải nguy hại. Điều này giúp giảm áp lực lên môi trường, giữ gìn cảnh quan nông thôn, đồng thời nâng cao chất lượng điểm đến và đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch nông thôn theo hướng xanh – bền vững.

2.1.2. Quản lý chất thải khu vực du lịch

a) Xây dựng phương án/kế hoạch kiểm soát chất thải

Các cơ sở du lịch nông thôn phải chú trọng ngay từ khâu chọn vị trí, thiết kế xây dựng đến quản lý rủi ro nhằm ngăn ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường. Yêu cầu thực hiện như sau:



Hình 2. Yêu cầu về xây dựng phương án/kế hoạch kiểm soát chất thải

Các biện pháp thực hiện chi tiết tại bảng dưới đây:

Bảng 2. Biện pháp thực hiện phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường

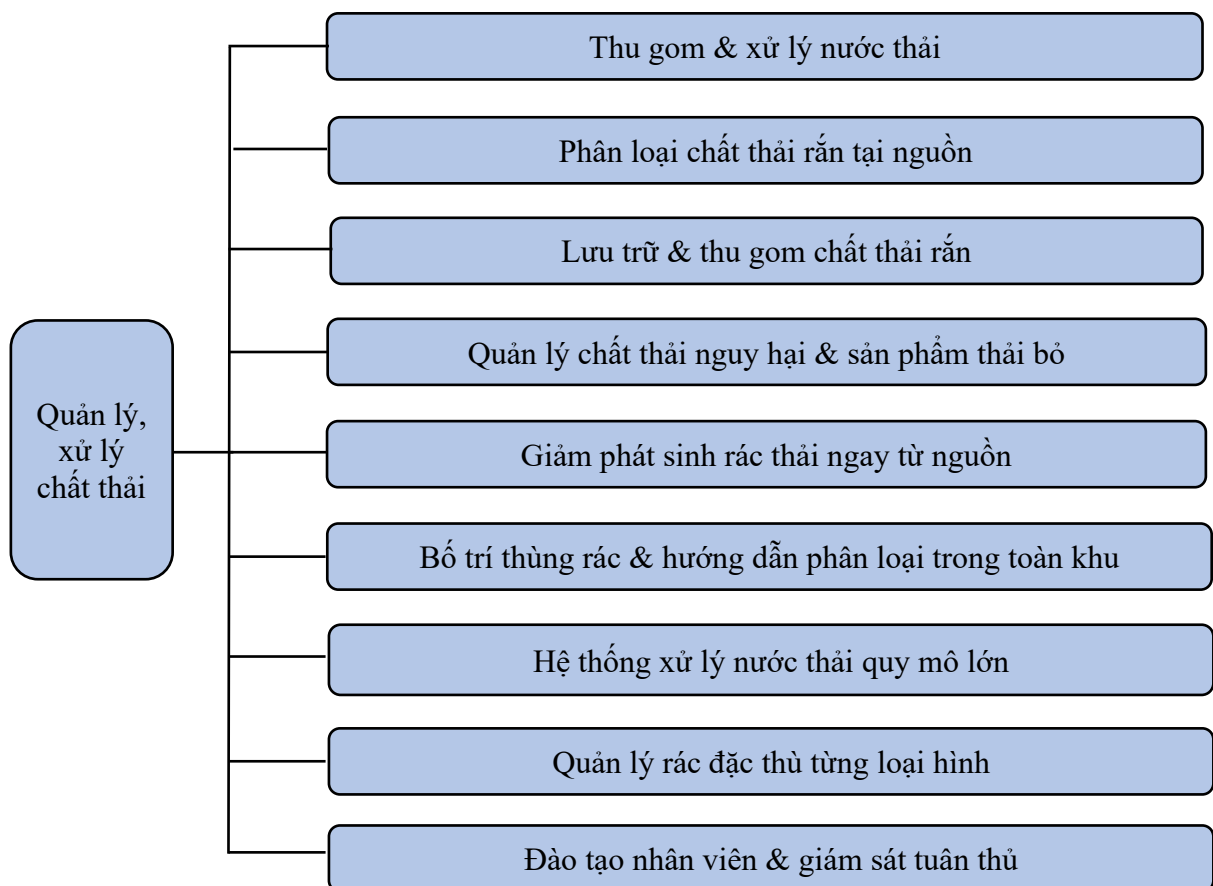
STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Lựa chọn vị trí và tuân thủ quy hoạch	- Xây dựng tại khu vực phù hợp với quy hoạch du lịch – đất đai. - Ưu tiên vị trí cao ráo, thoáng mát, tránh ngập úng và xa nguồn ô nhiễm. - Không lấn chiếm di tích, khu bảo tồn, đất rừng đặc dụng hoặc khu vực nhạy cảm sinh thái.
2	Thiết kế kiến trúc, hạ tầng thân thiện môi trường	- Thiết kế mở, tận dụng ánh sáng và thông gió tự nhiên, giảm nhu cầu năng lượng.

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Bố trí nhiều cây xanh, thảm cỏ, mặt nước để điều hòa vi khí hậu. - Sử dụng vật liệu bền vững, ưu tiên vật liệu thân thiện môi trường.
3	Tuân thủ hồ sơ môi trường (ĐTM, GPMT, kế hoạch BVMT)	- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu pháp luật về ĐTM/GPMT/Đăng ký môi trường khi thuộc đối tượng. - Thuê đơn vị tư vấn có năng lực để lập hồ sơ môi trường. - Thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu đã cam kết trong hồ sơ (cách âm, xử lý nước thải, kiểm soát khí thải...).
4	Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	- Xây dựng phương án ứng phó cháy nổ, rò rỉ hóa chất (nếu có), tai nạn dịch vụ, thiên tai. - Tuân thủ Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường,... - Tập huấn định kỳ cho nhân viên; diễn tập đối với cơ sở quy mô lớn. - Trang bị đầy đủ thiết bị cứu hộ: báo cháy tự động, bộ thu gom hóa chất tràn, bồn chứa sự cố.
5	Giám sát, quan trắc và kiểm soát rủi ro môi trường	- Lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường (không khí, tiếng ồn, nước) tại khu vực trọng điểm (áp dụng cho cơ sở lớn). - Kiểm tra định kỳ hệ thống thoát nước, bể xử lý, bãi tập kết rác. - Có sổ nhật ký theo dõi phát thải và các sự cố môi trường.
6	Quản lý lượng khách và sức chịu tải môi trường	- Xác định ngưỡng khách tối đa dựa trên hạ tầng, diện tích và năng lực xử lý chất thải. - Bố trí luồng di chuyển hợp lý tránh quá tải từng khu vực.

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Kiểm soát lượng khách vào mùa cao điểm thông qua đặt lịch, vé giới hạn...

b) Quản lý, xử lý chất thải

Mọi cơ sở phải có hệ thống quản lý chất thải đầy đủ, bao gồm thu gom và xử lý nước thải, phân loại và quản lý chất thải rắn, cũng như kiểm soát các loại chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt. Mục tiêu là 100% nước thải và chất thải rắn được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Yêu cầu thực hiện như sau:



Hình 3. Các yêu cầu về quản lý, xử lý chất thải

Các biện pháp thực hiện chi tiết tại bảng dưới đây

Bảng 3. Biện pháp thực hiện quản lý, xử lý chất thải

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Thu gom & xử lý nước thải	- Thu gom 100% nước thải từ tất cả hoạt động (sinh hoạt, sản xuất nhỏ, bếp, hồ bơi...).

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Xử lý sơ bộ (bể tự hoại/bể lắng/bể tách mỡ) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý chung hoặc xả thải. - Nếu tự xử lý tại chỗ: hệ thống phải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường. - Định kỳ kiểm tra, bảo trì bể tự hoại và hệ thống xử lý.
2	Phân loại chất thải rắn tại nguồn	- Thực hiện phân loại tối thiểu 3 nhóm: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; CTRSH khác⁴. - Bố trí thùng rác phân loại với mã màu, nhãn dán rõ ràng, có nắp đậy. - Đặt tại vị trí thuận tiện (bếp, quầy bán, lối đi công cộng).
3	Lưu trữ & thu gom chất thải rắn	- Thùng rác phải phù hợp dung tích, có nắp, được đổ ít nhất 1 lần/ngày. - Không lưu rác quá 24 giờ trong khu vực kinh doanh (đặc biệt rác thực phẩm). - Có khu lưu chứa tạm thời kín, dễ vệ sinh. - Xe thu gom nội bộ/đơn vị thu gom phải đảm bảo không làm trộn lẫn rác đã phân loại.
4	Quản lý chất thải nguy hại & sản phẩm thải bỏ	- 100% chất thải nguy hại (pin, bóng đèn, dầu thải, hóa chất bể bơi...) phải được phân loại, lưu giữ riêng, có ký hiệu nguy hại. - Chuyển giao cho đơn vị xử lý được cấp phép; lưu giữ chứng từ đầy đủ. - Thu hồi các sản phẩm sau sử dụng: chai lọ, bao bì, dầu ăn thải, thiết bị điện tử hỏng... thông qua hệ thống thu hồi hoặc ký hợp đồng xử lý.
5	Thu gom – tái sử dụng – tái chế chất thải	- Tối đa hóa tái sử dụng bao bì, thùng carton, túi giấy... - Thu gom riêng nhựa, kim loại, thủy tinh để gửi tái chế.

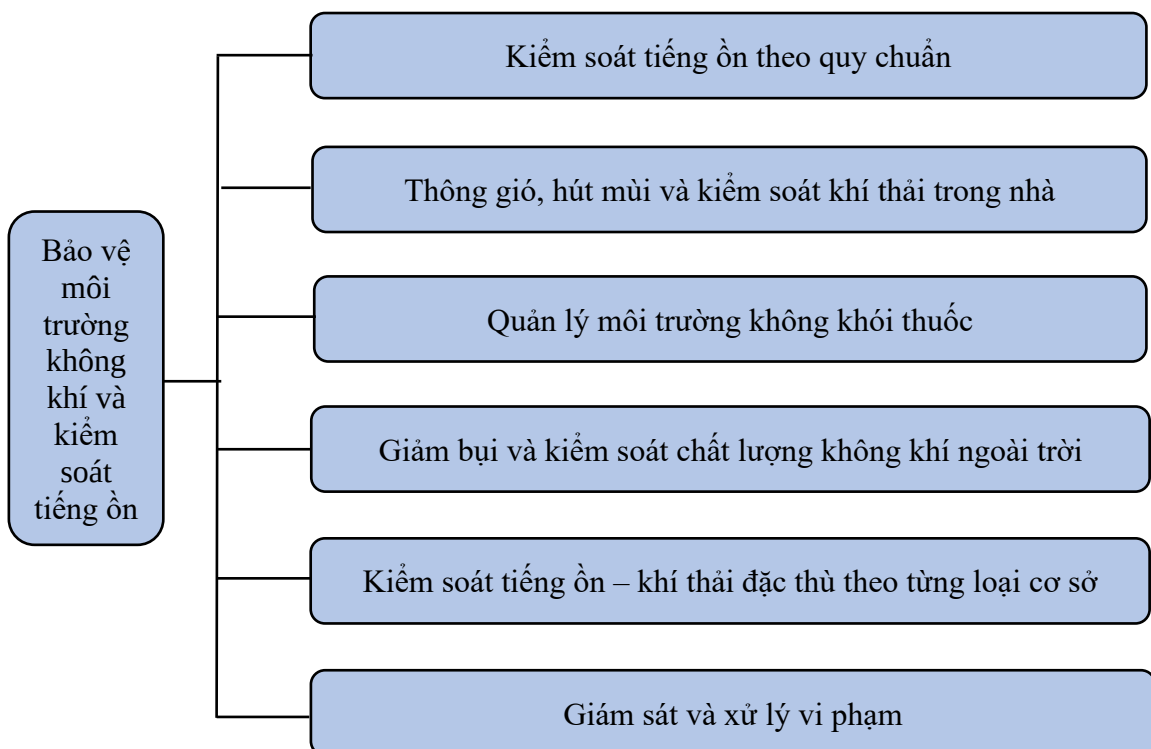
⁴ Chi tiết hướng dẫn thực hiện tại 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ NN&MT

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Với cơ sở có nhiều rác thực phẩm: ủ compost tại chỗ (nếu được phép), hoặc chuyển giao làm thức ăn chăn nuôi. - Thu hồi dầu mỡ thải để tái chế (biodiesel) hoặc bàn giao đơn vị xử lý.
6	Giảm phát sinh rác thải ngay từ nguồn	- Hạn chế tối đa sản phẩm dùng một lần: ống hút nhựa, hộp xốp, khăn ướt. - Khuyến khích sử dụng vật dụng tái sử dụng (chén sứ, ống tre, khăn vải). - Điều chỉnh quy mô khẩu phần, hướng dẫn khách gọi suất ăn vừa đủ để hạn chế dư thừa. - Thiết kế bao bì thân thiện môi trường, khuyến khích khách trả lại bao bì tái sử dụng.
7	Bố trí thùng rác & hướng dẫn phân loại trong toàn khu	- Bố trí thùng rác công cộng cách nhau 50–100m (đối với khu vui chơi). - Thùng có mã màu thống nhất (xanh lá – hữu cơ; xanh dương – tái chế; đen – rác còn lại). - Gắn biển hướng dẫn phân loại bằng hình ảnh dễ hiểu cho du khách và trẻ em. - Đặt thùng ở lối đi, khu chờ, quầy ăn uống, nhà vệ sinh, quầy lưu niệm.
8	Hệ thống xử lý nước thải quy mô lớn (đối với khu vui chơi / khu tích hợp)	- Thiết kế mạng lưới thu gom nước thải bao phủ toàn khu. - Xây trạm xử lý tập trung với công suất phù hợp giờ cao điểm. - Thực hiện theo Quy định của Luật BVMT. - Hồ bơi: kiểm soát hóa chất, xử lý nước tuần hoàn đúng quy định trước khi thải.
9	Quản lý rác đặc thù từng loại hình	- Cơ sở ăn uống: bể tách mỡ, rác thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn → cần ủ hoặc thu gom nhanh. - Lưu niệm: nhiều bao bì, mảnh vỡ → cần thu gom riêng, đảm bảo mỹ quan. - Vui chơi giải trí: lượng rác lớn, phân tán → cần

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		mật độ thùng dày, nhiều điểm tập kết.
10	Đào tạo nhân viên & giám sát tuân thủ	- Tập huấn phân loại rác, sử dụng bể tách mỡ, quản lý rác nguy hại. - Lập sổ theo dõi chất thải: lượng phát sinh, thời điểm thu gom, đối tượng vận chuyển. - Có bộ phận kiểm tra hằng ngày để ngăn ngừa rác tồn đọng. - Khuyến khích du khách tham gia mô hình “Du lịch không rác”.

c) Bảo vệ môi trường không khí và kiểm soát tiếng ồn

Các cơ sở du lịch phải thực hiện biện pháp kiểm soát để tiếng ồn và khí thải không vượt quá giới hạn cho phép, đồng thời tạo môi trường không khói thuốc lá cho du khách. Tùy loại hình cơ sở sẽ có những điểm cần lưu ý:



Hình 4. Yêu cầu bảo vệ môi trường không khí và kiểm soát tiếng ồn

Các biện pháp thực hiện chi tiết tại bảng dưới đây

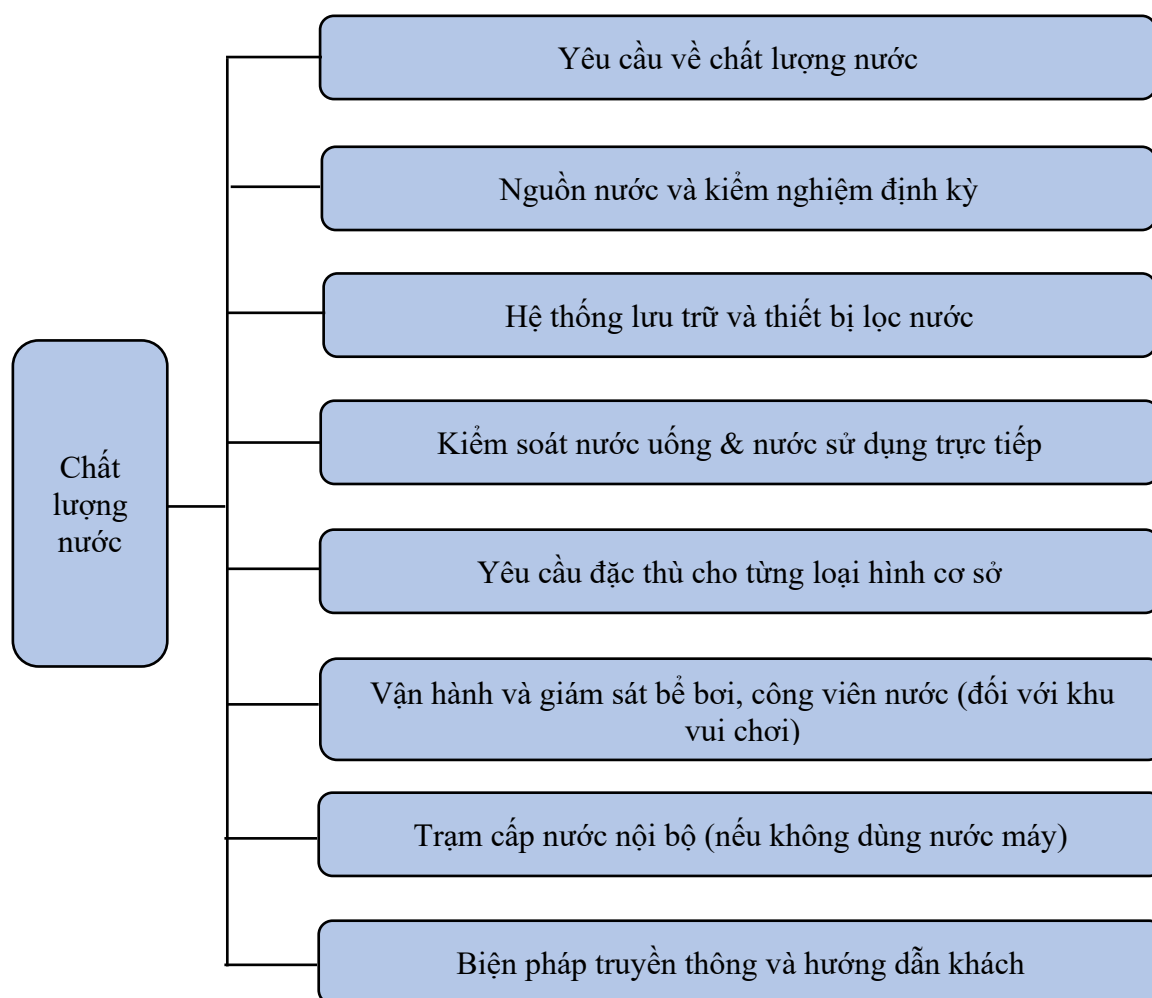
Bảng 4. Biện pháp thực hiện bảo vệ môi trường không khí và kiểm soát tiếng ồn

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Kiểm soát tiếng ồn theo quy chuẩn	- Đo, theo dõi và đảm bảo không vượt mức ồn tối đa theo QCVN tại ranh giới cơ sở. - Bố trí nguồn ồn (loa, máy phát điện...) xa khu dân cư; ưu tiên dùng thiết bị ít ồn, có vỏ tiêu âm. - Giới hạn giờ gây tiếng ồn (không mở nhạc to sau 21h–22h). - Áp dụng biện pháp cách âm: trần – tường tiêu âm, cây xanh, tường chắn ồn.
2	Thông gió, hút mùi và kiểm soát khí thải trong nhà	- Các khu bếp, xưởng nhỏ, khu ăn uống phải có hệ thống hút mùi – thông gió phù hợp. - Ống khói bếp phải lắp bộ lọc dầu mỡ, lọc khói/bụi. - Duy trì thông gió tự nhiên: cửa sổ, quạt gió, giếng trời. - Tránh sử dụng hóa chất có mùi mạnh; nếu dùng phải đặt nơi thông thoáng.
3	Quản lý môi trường không khói thuốc	- Cấm hút thuốc tại toàn bộ khu vực trong nhà: phòng ăn, quầy lưu niệm, khu vui chơi kín. - Đặt biển “Cấm hút thuốc / No Smoking” (song ngữ + biểu tượng) tại vị trí dễ thấy. - Với cơ sở lớn: bố trí khu vực hút thuốc riêng ngoài trời, có mái che – ghế – gạt tàn; biển chỉ dẫn khu hút thuốc rõ ràng. - Nhân viên được đào tạo cách xử lý khi có khách hút thuốc sai nơi quy định.
4	Giảm bụi và kiểm soát chất lượng không khí ngoài trời	- Tưới nước mặt đường, bãi đỗ xe, đường đất 1–2 lần/ngày để giảm bụi. - Có thể lắp hệ thống phun sương dọc lối đi tại khu vui chơi lớn. - Trồng cây xanh ven đường, khu kỹ thuật, bãi xe để giảm bụi – mùi. - Kiểm tra định kỳ thiết bị sinh khí thải (máy phát điện, lò nấu, nồi hơi...).

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
5	Kiểm soát tiếng ồn – khí thải đặc thù theo từng loại cơ sở	- Cơ sở ăn uống: Kiểm soát tiếng nhạc, tiếng máy móc; dùng máy hút mùi công suất phù hợp; cấm hút thuốc trong phòng ăn. - Cửa hàng lưu niệm: Giữ âm lượng nhạc nhẹ; hạn chế tiếng ồn từ chế tác thủ công; đảm bảo cửa hàng thông thoáng. - Khu vui chơi: Quản lý tiếng loa phát thanh, tiếng trò chơi; dùng hàng rào cây xanh cách âm; bố trí nhiều biển cấm hút thuốc trong toàn khu.
6	Giám sát và xử lý vi phạm	- Trang bị máy đo tiếng ồn, đo định kỳ tại nơi nhạy cảm (gần tường ranh giới, gần khu dân cư). - Theo dõi phản ánh của cộng đồng về tiếng ồn – mùi – khói, ghi chép vào sổ nhật ký môi trường. - Điều chỉnh giờ hoạt động, công suất loa, tần suất tưới nước... khi vượt quy chuẩn.

d) Chất lượng nước

Tất cả nguồn nước sử dụng tại cơ sở phục vụ du khách phải đạt tiêu chuẩn chất lượng nước sinh hoạt theo quy định. Điều này nhằm đảm bảo sức khỏe cho du khách và nhân viên, bao gồm nước uống, nước chế biến thực phẩm, nước rửa và nước phục vụ vui chơi (bể bơi, công viên nước).



Hình 5. Yêu cầu về quản lý chất lượng nước

Các biện pháp thực hiện cụ thể như sau:

Bảng 5. Biện pháp thực hiện quản lý chất lượng nước sử dụng

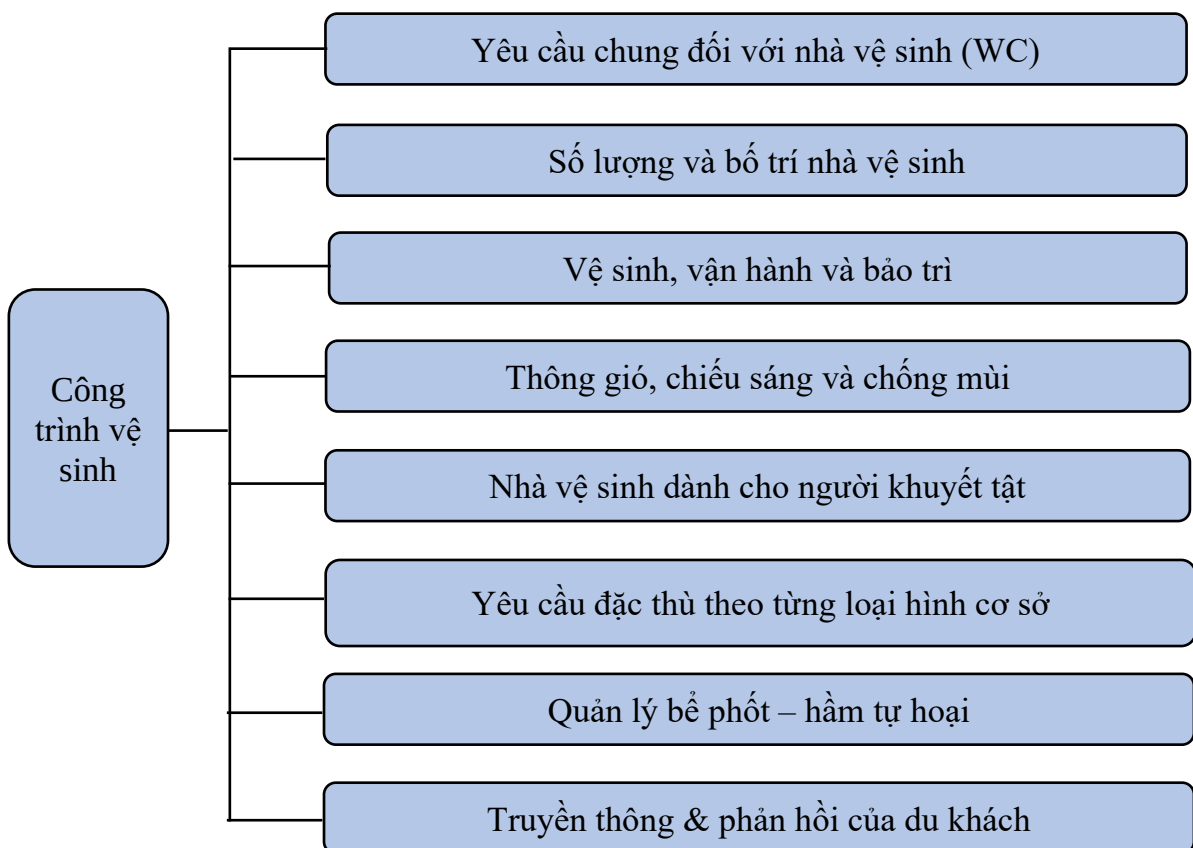
STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Yêu cầu về chất lượng nước	- Tất cả nước dùng cho ăn uống, chế biến, rửa, sinh hoạt và vui chơi phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT) hoặc tiêu chuẩn tương đương. - Nước đá, nước pha chế đồ uống cũng phải sử dụng từ nguồn nước đạt chuẩn.
2	Nguồn nước và kiểm nghiệm định kỳ	- Ưu tiên sử dụng nước máy từ hệ thống cấp nước đô thị/nông thôn. - Nếu dùng nước giếng khoan hoặc bể chứa riêng: phải lọc – khử trùng – lấy mẫu kiểm nghiệm định kỳ (3–6 tháng/lần) các chỉ tiêu vi sinh, hóa lý.

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Lập hồ sơ theo dõi, lưu giữ kết quả kiểm nghiệm.
3	Hệ thống lưu trữ và thiết bị lọc nước	- Tất cả bồn chứa phải có nắp kín, làm bằng vật liệu phù hợp, đặt nơi sạch sẽ, có biện pháp chống côn trùng xâm nhập. - Vệ sinh bồn chứa ít nhất 6 tháng/lần. - Trang bị hệ thống lọc nước (lọc thô – lọc tinh – UV – RO tùy nhu cầu).
4	Kiểm soát nước uống & nước sử dụng trực tiếp	- Với nước uống cho khách: dùng nước chai có nguồn gốc rõ ràng hoặc nước lọc qua hệ thống được cấp chứng nhận đạt chuẩn. - Máy làm đá/máy đun nước phải được vệ sinh thường xuyên theo khuyến cáo của nhà sản xuất. - Treo biển “Nước uống trực tiếp” hoặc “Không uống trực tiếp” tại các vòi nước để tránh nhầm lẫn.
5	Yêu cầu đặc thù cho từng loại hình cơ sở	- Cơ sở ăn uống: Nước chế biến – rửa thực phẩm – pha chế phải đạt chuẩn; nước đá dùng trong đồ uống phải từ nguồn tinh khiết. - Cửa hàng lưu niệm: Đảm bảo nước uống cho nhân viên và khách (máy lọc hoặc nước đóng chai); nước vệ sinh phải sạch và an toàn. - Khu vui chơi giải trí: Nước bể bơi – công viên nước phải đạt chuẩn về vi sinh; nước sinh hoạt phải qua lọc – khử trùng nếu không dùng nước máy.
6	Vận hành và giám sát bể bơi, công viên nước (đối với khu vui chơi)	- Vận hành hệ thống lọc tuần hoàn + khử trùng (clo, ozone hoặc UV) liên tục. - Kiểm tra pH – clo dư – độ đục mỗi ngày, lưu nhật ký vận hành. - Lấy mẫu nước bể gửi kiểm nghiệm hàng tuần hoặc hàng tháng tùy lưu lượng sử dụng. - Thay nước định kỳ (một phần hoặc toàn bộ).
7	Trạm cấp nước nội bộ (nếu không dùng nước máy)	- Giếng khoan phải qua các bước: lọc thô → lọc than hoạt tính → làm mềm → khử trùng bằng clo/UV. - Có hồ sơ theo dõi chất lượng nước hàng ngày (độ đục,

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		clo dư). - Bố trí khu cấp nước uống miễn phí trong khu: vòi uống công cộng, bình nước lọc, máy lọc RO.
8	Biện pháp truyền thông và hướng dẫn khách	- Gắn biển hướng dẫn tại khu vui chơi nước: “Không uống nước từ vòi rửa chân”, “Nước uống tại vòi – đã qua lọc”. - Nhân viên thường xuyên kiểm tra khu vực vòi nước, nhà vệ sinh, bể bơi để phát hiện bất thường.

e) Công trình vệ sinh

Các cơ sở phải có công trình vệ sinh đảm bảo phục vụ nhu cầu khách, với yêu cầu: dễ nhận biết và tiếp cận; đảm bảo an ninh, an toàn; trang thiết bị đầy đủ và hoạt động tốt; luôn thông thoáng, sạch sẽ, đủ ánh sáng. Khuyến khích (và đối với cơ sở lớn là bắt buộc) bố trí nhà vệ sinh cho người khuyết tật sử dụng thuận tiện. Đối với khu vui chơi giải trí, tiêu chí bổ sung là bồn rửa tay hàm vệ sinh phải được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo quy định.



Hình 6. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với công trình vệ sinh

Các biện pháp thực hiện cụ thể như sau:

Bảng 6. Biện pháp thực hiện quản lý nhà vệ sinh

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Yêu cầu chung đối với nhà vệ sinh (WC)	- WC phải đáp ứng điều kiện vệ sinh theo QCVN 01:2011/BYT của Bộ Y tế về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh. - WC phải dễ nhận biết, dễ tiếp cận, có biển chỉ dẫn rõ ràng. - Đảm bảo an ninh – an toàn – sạch sẽ – thông thoáng – đủ ánh sáng.- Trang thiết bị đầy đủ: giấy vệ sinh, xà phòng, vòi rửa, thùng rác có nắp, khóa cửa an toàn. - Khuyến khích (và với cơ sở lớn là bắt buộc) bố trí WC cho người khuyết tật. - Không để mùi hôi, không rò rỉ nước, không tắc nghẽn.
2	Số lượng và bố trí nhà vệ sinh	- Đủ số lượng WC tương ứng với lưu lượng khách, tránh phải xếp hàng dài. - Bố trí khu nam/nữ riêng biệt (đối với cơ sở ăn uống, vui chơi; cửa hàng nhỏ có thể dùng WC chung). - WC đặt ở vị trí thuận tiện: gần sảnh, lối đi chính, khu vực chờ.- Lắp biển “Toilet/WC” hoặc biểu tượng trực quan tại hành lang, lối rẽ.
3	Vệ sinh, vận hành và bảo trì	- Lau dọn nhiều lần trong ngày (ít nhất 3–4 lần; nhiều hơn vào giờ cao điểm). - Tổng vệ sinh, khử trùng định kỳ bằng dung dịch thân thiện môi trường. - Kiểm tra – bổ sung giấy, xà phòng, khăn lau tay liên tục. - Bảo trì sớm khi phát hiện rò rỉ, hỏng khóa, tắc nghẽn.
4	Thông gió, chiếu sáng và chống mùi	- Trang bị quạt hút, cửa sổ hoặc khe thông gió để lưu thông khí. - Lắp đèn đủ sáng, an toàn điện. - Dùng dung dịch khử mùi tự nhiên, hạn chế hóa chất độc hại gây ảnh hưởng sức khỏe.

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
5	Nhà vệ sinh dành cho người khuyết tật	- Buồng rộng tối thiểu 1,2–1,5 m; cửa mở rộng ≥ 80 cm.- Có tay vịn, bồn cầu thấp, gương thấp, chuông/bút bấm gọi hỗ trợ. - Lối đi đến WC phải bằng phẳng, không bậc cao.
6	Yêu cầu đặc thù theo từng loại hình cơ sở	Cơ sở ăn uống & lưu niệm: - Tối thiểu có WC cho khách; thiết kế sạch – sáng – có biển chỉ dẫn. - Nhân viên dọn vệ sinh theo ca; có thùng rác nắp đậy trong mỗi buồng. Khu vui chơi giải trí: - Nhiều điểm WC rải đều khắp khu; bản đồ chỉ dẫn WC tại các cổng và nút giao. - Nhà vệ sinh cho người khuyết tật bắt buộc ở các khu vực chính. - Trang bị thêm thiết bị tự động: vòi cảm ứng, xả tiểu cảm ứng, giúp vệ sinh và tiết kiệm nước.
7	Quản lý bể phốt – hầm tự hoại	- Hút bùn định kỳ 3–6 tháng/lần (tùy lưu lượng). - Chất thải phải được vận chuyển đến nhà máy xử lý tập trung, không xả ra môi trường. - Có thể lắp thiết bị cảnh báo đầy để kịp thời hút bùn.- Với khu vui chơi lớn: giám sát và ghi sổ vận hành hầm tự hoại.
8	Truyền thông & phản hồi của du khách	- Treo số điện thoại liên hệ/góp ý tại bên ngoài WC để khách phản ánh. - Đặt bảng nhắc nhở khách giữ vệ sinh chung. - Có nhân viên túc trực vào giờ cao điểm để hỗ trợ và làm sạch kịp thời.

f) Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn

- Cảnh quan không gian xanh: Đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng trồng cây xanh, cây bóng mát (chi tiết cây xanh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại chỉ tiêu số 17.4 là các

loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; không bao gồm cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ).

- Cảnh quan không gian sạch: Đường trục ấp, liên ấp được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý; kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước.

- Cảnh quan không gian đẹp: Đường trục ấp, liên ấp được trồng hoa hoặc cây cảnh; tỷ lệ hộ gia đình chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp.

- An toàn: Hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ.

- Có phương án/kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước cụ thể:

Bảng 7. Biện pháp thực hiện bảo vệ Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Không gian xanh (cây xanh, cây bóng mát, cây bản địa)	- Lập kế hoạch trồng cây xanh theo quy hoạch được duyệt. - Ưu tiên trồng cây bản địa, cây ăn quả lâu năm. - Trồng cây tại trụ sở xã, trường học, trạm y tế, chợ, khu dịch vụ. - Cắt tỉa định kỳ để đảm bảo an toàn giao thông.
2	Không gian sạch (thoát nước, vệ sinh kênh mương, rác thải)	- Bố trí thùng rác dọc tuyến đường, có nắp đậy. - Định kỳ vớt rác, phát quang kênh mương. - Kiểm tra dòng chảy sau mưa, khắc phục tắc nghẽn. - Hộ dân không xả nước thải trực tiếp xuống kênh rạch.
3	Không gian đẹp (hoa, cảnh quan, chỉnh trang nhà ở)	- Vận động tuyến đường “Hoa – Sạch – Đẹp – An toàn”. - Hỗ trợ giống hoa cho hộ dân trồng. • Hướng dẫn

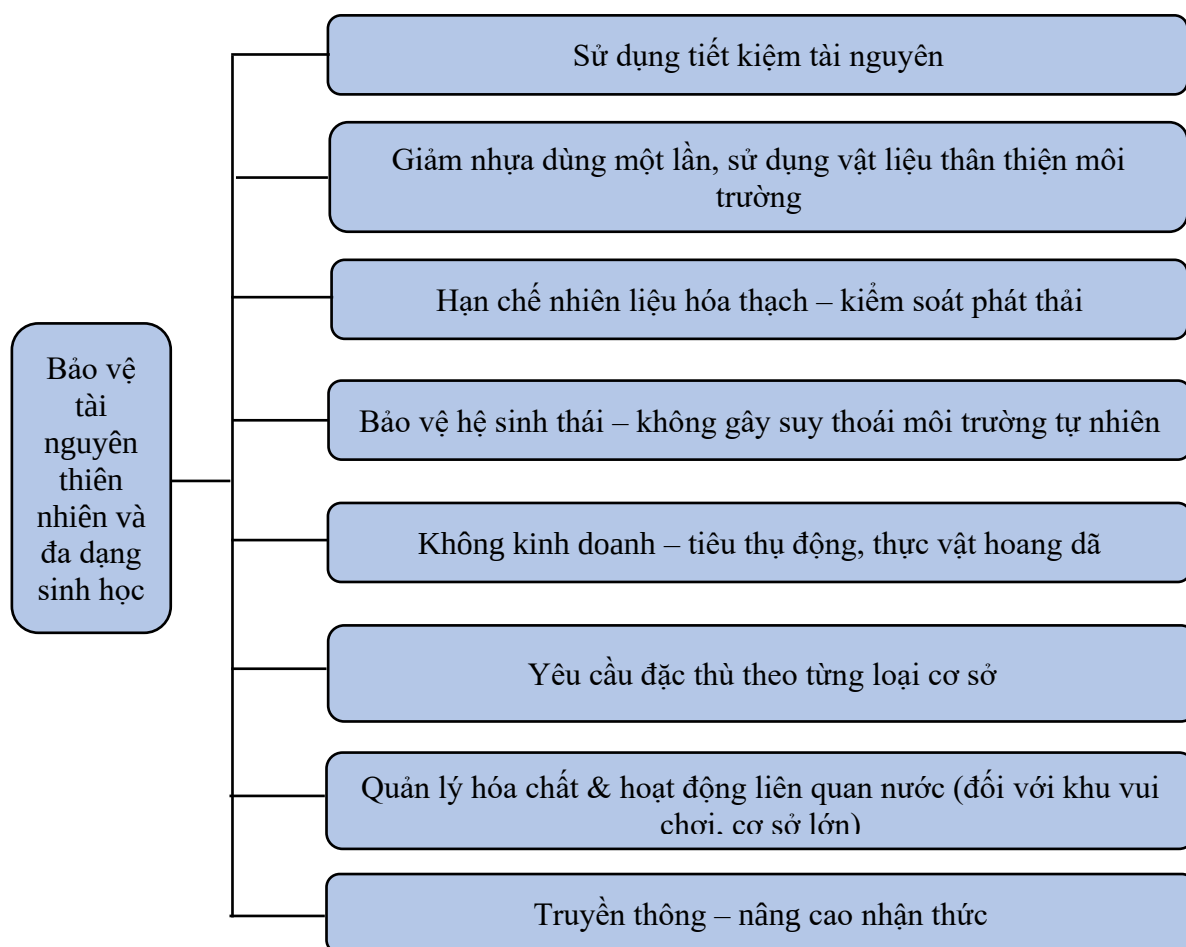
STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		cải tạo vườn tạp, trồng hàng rào cây xanh tia gọn gàng.
4	An toàn cảnh quan – công trình hạ tầng	- Lắp biển cảnh báo nguy hiểm. - Rào chắn ao hồ, kênh sâu gần khu dân cư. - Bảo dưỡng công trình định kỳ (hố ga, nắp cống). - Lập kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ toàn xã.
5	Hệ thống ao, hồ sinh thái	- Nạo vét ao hồ định kỳ; trồng cây ven hồ. - Rào chắn và treo biển cảnh báo. - Không xả rác, nước thải xuống ao hồ. - Tổ chức hoạt động cộng đồng: dọn vệ sinh hồ – kênh – mương hàng tháng.
6	Đường làng, ngõ xóm	- Xây dựng quy ước vệ sinh thôn/ấp. - Định kỳ dọn cỏ, phát quang ven đường. - Tuyên truyền không đổ rác bừa bãi, không phơi nông sản ra đường. - Đường trục ấp, liên ấp được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý⁵. - Kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước.
7	Khu vực công cộng (chợ, công viên, bến xe, bến phà...)	- Ban hành nội quy BVMT nơi công cộng, niêm yết rõ ràng. - Bố trí thùng rác, nhà vệ sinh sạch. - Trồng cây xanh và hoa trong khuôn viên công cộng.
8	Quy ước BVMT cộng đồng	- Tổ chức họp dân xây dựng quy ước BVMT. - Lồng ghép quy ước BVMT vào quy ước văn hóa ấp.

⁵ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 59)

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Giám sát thực hiện định kỳ 6 tháng/lần.

2.2. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học

Các cơ sở du lịch cần sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên (điện, nước, nhiên liệu) và ưu tiên vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường. Đồng thời, phải có trách nhiệm bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học, không gây suy thoái trong quá trình xây dựng và kinh doanh.



Hình 7. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với công trình vệ sinh

Các biện pháp thực hiện chi tiết tại bảng dưới đây

Bảng 8. Biện pháp thực hiện bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Sử dụng tiết kiệm tài nguyên (điện,	- Lắp đặt đèn LED, cảm biến tự tắt; tối ưu ánh sáng tự nhiên.

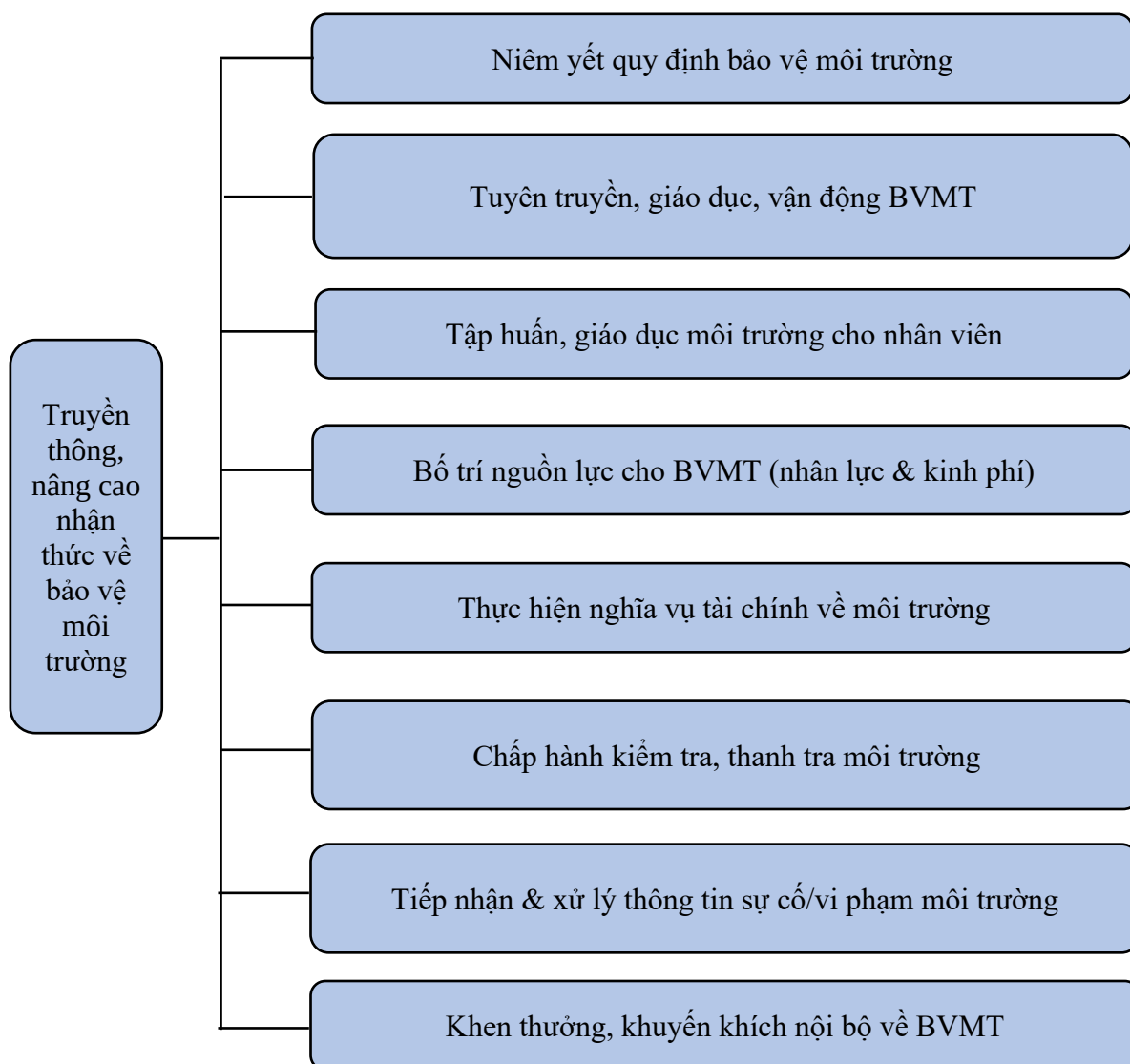
STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
	nước, nhiên liệu)	- Dùng thiết bị tiết kiệm điện (bếp, tủ lạnh, điều hòa 4–5 sao). - Gắn vòi nước tiết kiệm, sửa rò rỉ ngay khi phát hiện. - Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo: bình nước nóng NLMT, pin mặt trời cho chiếu sáng. - Thu gom nước mưa để tưới cây, rửa sân (khi phù hợp).
2	Giảm nhựa dùng một lần, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường	- Thay túi nylon bằng túi giấy/túi vải, tính phí để giảm nhu cầu. - Sử dụng đồ dùng tái sử dụng: khăn vải, ly thủy tinh, ống hút tre/giấy. - Chọn hóa chất sinh học, dễ phân hủy; hạn chế hóa chất mạnh. - Ưu tiên vật liệu tự nhiên: tre, gỗ, giấy tái chế, đồ kim loại dùng lâu.
3	Hạn chế nhiên liệu hóa thạch – kiểm soát phát thải	- Không sử dụng than tổ ong, than đá để nấu nướng - Chuyển sang gas, điện hoặc than sinh học (ít khói) - Bảo trì định kỳ máy móc để tránh khói đen, rò rỉ dầu. - Tăng tỷ lệ phương tiện sạch: xe đạp, xe điện, xe hybrid nội khu.
4	Bảo vệ hệ sinh thái – không gây suy thoái môi trường tự nhiên	- Trước xây dựng: bảo tồn cây xanh tự nhiên, hạn chế san lấp ao hồ – đất ẩm tự nhiên. - Giữ gìn nguyên trạng cảnh quan tự nhiên; hạn chế san gạt, cải tạo địa hình, chặt phá cây xanh. - Thiết kế, cải tạo công trình du lịch hài hòa với cảnh quan, kiến trúc truyền thống địa phương. - Không xây dựng công trình kiên cố tại khu vực có giá trị cảnh quan đặc thù (đỉnh núi, sườn dốc lớn, bãi biển tự nhiên, bờ đảo...). - Không lấn chiếm đất rừng, đất bảo tồn, hành lang bảo vệ nguồn nước.

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Trong vận hành: không xả thải ra sông suối, không chặt phá cây. - Tôn trọng khu vực bảo tồn: tránh gây ồn, không cho động vật hoang dã ăn. - Kiểm soát xói mòn, sạt lở đất tại khu vực miền núi; hạn chế tác động đến bãi triều, rạn san hô, thảm cỏ biển tại khu vực hải đảo. - Sử dụng hợp lý nguồn nước, không khai thác vượt khả năng tự phục hồi của môi trường.
5	Không kinh doanh – tiêu thụ động, thực vật hoang dã	- Tuyệt đối không mua bán, trưng bày, phục vụ món ăn làm từ động vật – thực vật hoang dã quý hiếm. - Nhân viên được đào tạo nhận biết nguồn gốc nghi ngờ, từ chối mua bán bất hợp pháp. - Treo biển tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã cho khách.
6	Yêu cầu đặc thù theo từng loại cơ sở	* Cơ sở ăn uống: - Hạn chế nước đóng chai – phục vụ nước lọc thay thế. - Dùng hộp đựng, dụng cụ tái sử dụng. Cơ sở lưu niệm: - Không bán sản phẩm từ san hô, lông chim, ngà, gỗ quý hiếm. - Khuyến khích phát triển sản phẩm xanh, có thể đăng ký Nhãn Xanh VN. - Giảm túi nylon, tặng túi vải – túi giấy. * Khu vui chơi giải trí: - Lắp trạm nước uống miễn phí, giảm chai nhựa. - Sử dụng năng lượng mặt trời cho chiếu sáng. • Phương tiện nội khu ưu tiên chạy điện. - Nếu có nuôi trồng sinh vật (safari, thủy cung): phải có chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm điều kiện chăm sóc theo quy định.

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		- Không nuôi – trồng loài ngoại lai xâm hại.
7	Quản lý hóa chất & hoạt động liên quan nước (đối với khu vui chơi, cơ sở lớn)	- Dùng clo đúng liều lượng, pH nước bể bơi ở mức an toàn (7.2–7.6). - Khuyến khích sử dụng ozone, UV để giảm hóa chất khử trùng. - Lưu trữ hóa chất an toàn, nhân viên được đào tạo sử dụng đúng cách. - Không dùng hóa chất cấm hoặc gây nguy hại đến hệ sinh thái.
8	Truyền thông – nâng cao nhận thức	- Gắn thông điệp “Không tiêu thụ động vật hoang dã”, “Du lịch xanh – không nhựa”. - Khuyến khích khách mang bình nước cá nhân, túi vải, hạn chế dùng ống hút nhựa. - Cung cấp thông tin về cây xanh – loài bản địa để tăng hiểu biết cho du khách.

2.3. Truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

Công tác truyền thông, giáo dục và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo vệ môi trường đóng vai trò then chốt trong phát triển du lịch nông thôn bền vững. Để đảm bảo mỗi cơ sở du lịch vận hành thân thiện với môi trường và tuân thủ đúng quy định pháp luật, cần triển khai đồng bộ các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, bố trí nguồn lực và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương. Bảng dưới đây tổng hợp các yêu cầu chính và các biện pháp thực hiện tương ứng nhằm hỗ trợ cơ sở du lịch, cộng đồng và chính quyền địa phương dễ dàng áp dụng trong thực tế, góp phần xây dựng môi trường du lịch xanh – sạch – đẹp, an toàn và có trách nhiệm.



Hình 8. Yêu cầu về truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

Các biện pháp thực hiện chi tiết tại bảng dưới đây

Bảng 8. Biện pháp thực hiện về truyền thông, giáo dục và nghĩa vụ bảo vệ môi trường

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
1	Niêm yết quy định bảo vệ môi trường	- Thiết kế bảng gỗ/tre/bảng in, trình bày rõ: không xả rác, không hút thuốc nơi cấm, tiết kiệm nước – điện, giữ trật tự... - Gắn ở vị trí khách buộc phải đi qua; nhắc khách khi làm thủ tục/check-in.
2	Tuyên truyền, giáo dục, vận động BVMT	- Lồng ghép thông điệp BVMT khi hướng dẫn, khi đón – tiễn khách. - Tham gia/sử dụng loa truyền thanh xã, sinh hoạt cộng đồng để nhắc về vệ sinh, không xả rác, trồng cây... - Khuyến khích tour/hoạt động gắn với BVMT (nhặt rác, trồng cây...).
3	Tập huấn, giáo dục môi trường cho nhân viên	- Đăng ký tham gia lớp của Sở, Sở Du lịch, UBND xã. - Mời cán bộ môi trường về hướng dẫn tại chỗ (ngắn, thực hành dễ làm). - Nội bộ cơ sở: họp ngắn định kỳ chia sẻ kinh nghiệm BVMT.
4	Bố trí nguồn lực cho BVMT (nhân lực & kinh phí)	- Phân công 1 người (hoặc nhóm) phụ trách môi trường. - Trích 1 phần doanh thu để mua thùng rác phân loại, biển báo, túi thân thiện môi trường, chi phí thu gom rác... - Có kế hoạch bảo dưỡng hệ thống nước thải, vệ sinh định kỳ.
5	Thực hiện nghĩa vụ tài chính về môi trường	- Liên hệ UBND xã để nắm rõ loại phí phải nộp. - Thực hiện nghĩa vụ PFES nếu sử dụng cảnh quan rừng, tài nguyên rừng cho kinh doanh du lịch.- Lưu chứng từ nộp phí để phục vụ thanh tra – kiểm tra.
6	Chấp hành kiểm tra, thanh tra môi trường	- Lưu giữ hồ sơ liên quan BVMT (cam kết, phiếu thu gom rác, biên lai phí...). - Thường xuyên tự kiểm tra, chỉnh sửa các điểm yếu

STT	Yêu cầu	Biện pháp thực hiện
		trước khi đoàn đến.- Ghi chép việc khắc phục và báo cáo lại cơ quan chức năng.
7	Tiếp nhận & xử lý thông tin sự cố/vi phạm môi trường	- In số điện thoại chủ cơ sở/người phụ trách môi trường lên bảng nội quy, tờ rơi. - Quy định quy trình xử lý: tiếp nhận – xử lý tại chỗ – báo chính quyền nếu vượt khả năng. - Lưu nhật ký sự cố, biện pháp khắc phục.
8	Khen thưởng, khuyến khích nội bộ về BVMT	- Thi đua “góc xanh – sạch – đẹp”, “phòng sạch nhất”, “nhân viên xanh”. - Thưởng nhỏ (quà, tiền, tuyên dương) cho người có sáng kiến giảm rác, tiết kiệm tài nguyên.
9	Tham gia các quỹ BVMT địa phương	- Góp vào Quỹ BVMT cấp xã/huyện hoặc quỹ cộng đồng (trồng cây, thu gom rác, ứng phó sự cố...). - Có thể trích % doanh thu định kỳ để ủng hộ các hoạt động môi trường địa phương.

2.4. Hướng dẫn lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quy hoạch, xây dựng và vận hành các điểm du lịch nông thôn

Việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học cần được lồng ghép xuyên suốt trong toàn bộ quá trình phát triển các điểm du lịch nông thôn, từ khâu quy hoạch, xây dựng đến vận hành, nhằm bảo đảm phát triển du lịch bền vững, hài hòa với điều kiện tự nhiên và đời sống cộng đồng địa phương.

a) Lồng ghép trong công tác quy hoạch

Nội dung bảo vệ môi trường phải được tích hợp ngay từ giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch nông thôn. Quy hoạch điểm du lịch cần xác định rõ hiện trạng môi trường, tài nguyên thiên nhiên và các khu vực nhạy cảm về sinh thái như rừng, nguồn nước, khu vực có nguy cơ sạt lở, xói mòn, khu vực có giá trị cảnh quan đặc thù. Trên cơ sở đó, định hướng không gian phát triển du lịch phù hợp, kiểm soát quy mô, mật độ khai thác và bảo đảm không vượt quá sức chịu tải của môi trường.

Việc lập, điều chỉnh quy hoạch phải gắn với các yêu cầu về đánh giá môi

trường theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn và các quy hoạch ngành liên quan.

b) Lồng ghép trong giai đoạn xây dựng

Trong quá trình xây dựng hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ du lịch nông thôn, cần tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường; thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi, tiếng ồn, quản lý chất thải xây dựng, bảo vệ đất, nước và cảnh quan xung quanh.

Khuyến khích áp dụng thiết kế, vật liệu và giải pháp xây dựng thân thiện môi trường, tiết kiệm tài nguyên, hạn chế bê tông hóa không gian nông thôn. Các công trình du lịch, homestay, farmstay phải phù hợp với quy mô điểm du lịch, hài hòa với cảnh quan và kiến trúc truyền thống địa phương, không xâm hại tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái.

c) Lồng ghép trong giai đoạn vận hành

Trong quá trình vận hành, các điểm du lịch nông thôn phải thực hiện các biện pháp quản lý môi trường theo phương án, kế hoạch đã được phê duyệt, bao gồm thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn; quản lý nước thải sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, ưu tiên năng lượng sạch; duy trì cảnh quan xanh – sạch – đẹp.

Chủ thể quản lý điểm du lịch có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; đồng thời tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn du khách và cộng đồng địa phương thực hiện du lịch có trách nhiệm, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và giá trị cảnh quan nông thôn.

d) Cơ chế phối hợp trong tổ chức thực hiện

Việc lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch nông thôn cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và chính quyền địa phương. Ngành môi trường chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; ngành nông nghiệp phối hợp trong quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước, rừng và gắn phát triển du lịch với sản xuất nông nghiệp sinh thái; ngành văn hóa – du lịch định hướng phát triển sản phẩm du lịch nông thôn phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa bản địa.

Chính quyền cấp cơ sở tổ chức triển khai, giám sát việc thực hiện tại địa bàn; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước cộng đồng; vận động người dân và các hộ kinh doanh du lịch tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường, góp phần phát triển du lịch nông thôn bền vững.

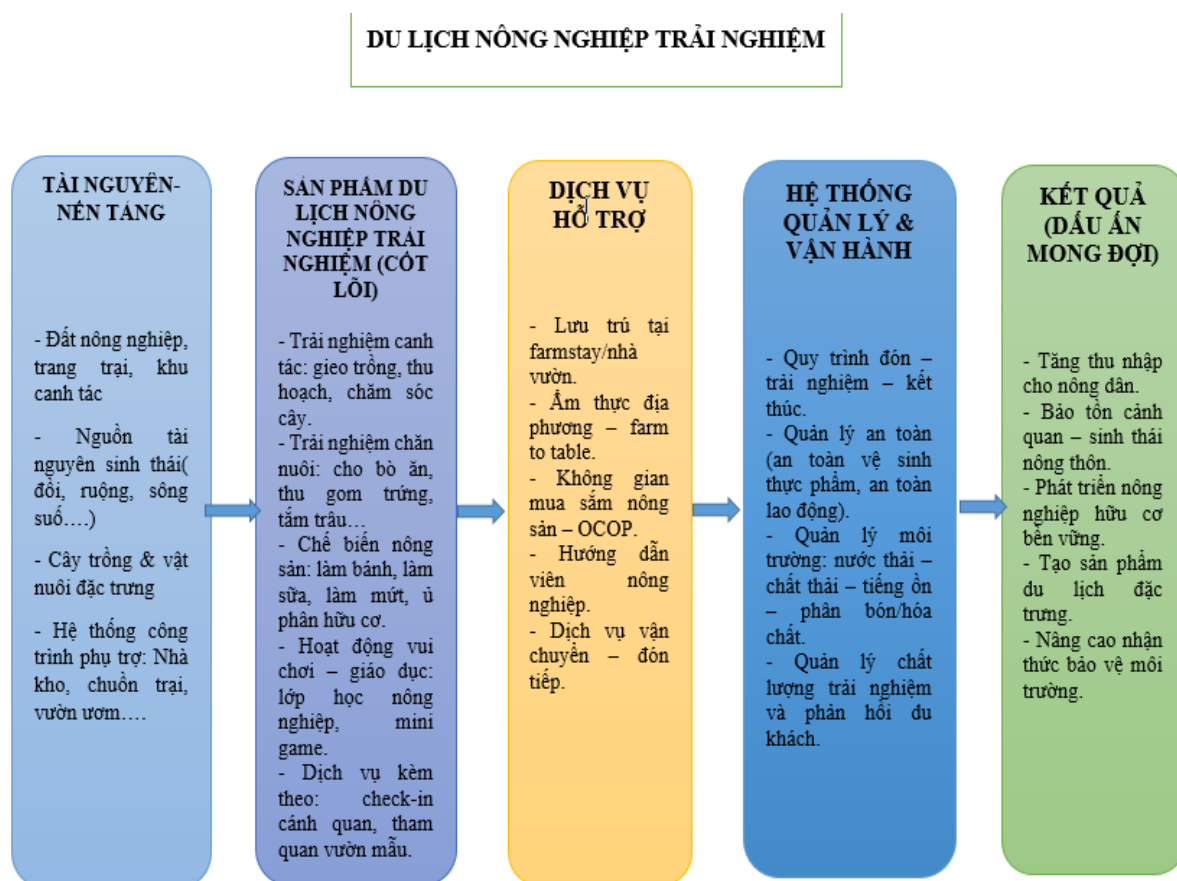
CHƯƠNG 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ MÔ HÌNH DU LỊCH NÔNG THÔN GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1 Mô hình nông nghiệp trải nghiệm

3.1.1. Mô tả mô hình:

Nông nghiệp trải nghiệm (agritourism) là mô hình cho phép du khách tham gia trực tiếp vào các hoạt động nông nghiệp: trồng trọt, thu hoạch, chăm sóc vật nuôi, hoặc chế biến sản phẩm nông sản. Mô hình này thường tích hợp sản xuất nông nghiệp sạch với dịch vụ lưu trú, ăn uống tại trang trại. Du khách có thể tham quan vườn, tìm hiểu quy trình sản xuất hữu cơ, và thưởng thức nông sản tại chỗ, qua đó nâng cao ý thức về nông nghiệp bền vững.

3.1.2. Cấu trúc mô hình:



Hình 9. Cấu trúc mô hình nông nghiệp trải nghiệm

3.1.3. Các yêu cầu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:

Biện pháp canh tác bền vững: Giúp cải thiện độ phì nhiêu của đất, giảm thiểu sâu bệnh một cách tự nhiên, từ đó hạn chế việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học. Sử dụng phân chuồng hoai mục, phân xanh thay thế cho phân bón hóa học; áp dụng các chế phẩm sinh học để quản lý dịch hại, góp phần bảo vệ sức khỏe đất và hệ

sinh thái. Phương pháp này giúp bảo tồn cấu trúc đất, giảm xói mòn và duy trì đa dạng sinh học trong đất .

Quản lý tài nguyên hiệu quả: Lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt hoặc tưới phun mưa giúp sử dụng nước hiệu quả, giảm lãng phí tài nguyên nước. Ứng dụng năng lượng mặt trời (máy bơm nước, chiếu sáng), khí sinh học (Biogas) từ chất thải chăn nuôi để giảm phát thải khí nhà kính và tiết kiệm chi phí. Trồng cây xanh xung quanh khu vực canh tác để chắn gió, tạo cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu .

Mô hình nông nghiệp tuần hoàn: Mô hình vận hành theo nguyên tắc "đầu ra" của quá trình này là "đầu vào" của quá trình khác. Ví dụ: Phụ phẩm nông nghiệp (rơm, rạ) làm thức ăn chăn nuôi; chất thải chăn nuôi (phân nhím, gà, lợn) được ủ thành phân hữu cơ để bón cho cây trồng . Thu gom và tận dụng bao bì, phụ phẩm nông nghiệp; thiết lập các điểm thu gom riêng cho rác thải nhựa nông nghiệp để xử lý hoặc tái chế. Mô hình khép kín giúp giảm đáng kể lượng chất thải ra môi trường, tiết kiệm chi phí mua phân bón, thức ăn và bảo vệ sức khỏe của đất .

Công trình hạ tầng bảo vệ môi trường: Xây dựng các bể chứa tập trung, được đặt tại các vị trí thuận tiện ở khu vực đồng ruộng để thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, ngăn ngừa ô nhiễm đất và nước. Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy mô (ví dụ: các dự án Khu xử lý chất thải rắn tại Hòa Bình) để xử lý triệt để các loại rác thải phát sinh. Sử dụng vật liệu thân thiện môi trường cho các công trình phục vụ du lịch (nhà chòi, lối đi); quy hoạch cảnh quan hài hòa với thiên nhiên, tạo không gian "xanh - sạch - đẹp" .

3.1.4. Các bên tham gia mô hình và vai trò, trách nhiệm:

HTX, nông hộ, UBND xã, Sở NN&MT, Sở VH-TT-DL, DN lữ hành.

Chủ thể chính: Doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh.

Hỗ trợ kỹ thuật: Trạm Khuyến nông, Sở NN&MT, các tổ chức khoa học.

Kết nối thị trường: Doanh nghiệp lữ hành, Sở VH-TT-DL.

Giám sát: UBND xã, cộng đồng

3.1.5. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành:

Khảo sát – lập kế hoạch; đầu tư hạ tầng xanh; đào tạo hướng dẫn viên cộng đồng; kết nối tour; giám sát định kỳ.

Khảo sát và lập kế hoạch: Rà soát tiềm năng nông nghiệp của khu vực (đất đai, cây trồng chủ lực) và nhu cầu du lịch. Xác định thị trường mục tiêu (trẻ em học tập, gia đình giải trí...) và lập phương án đầu tư.

Đầu tư hạ tầng: Xây dựng lối đi, nhà trưng bày nông sản, khu vui chơi. Trang bị hệ thống xử lý nước thải, bồn rác, nhà vệ sinh sinh thái. Đầu tư nhà ở cho khách (homestay) và bếp dùng năng lượng sạch.

Đào tạo: Tập huấn nông dân về kỹ năng đón tiếp, an toàn sinh học; phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường, giáo dục giá trị nông nghiệp bền vững cho khách.

Vận hành và kết nối: Hợp tác với doanh nghiệp lữ hành để đưa khách thăm quan. Tổ chức tour trải nghiệm quy trình sản xuất (ví dụ: thu hoạch rau, làm phân hữu cơ, khám phá vườn trái cây). Cộng tác với mạng lưới du lịch để quảng bá sản phẩm địa phương (rau sạch, mật ong, trái cây sấy).

Giám sát, đánh giá: Theo dõi chất lượng môi trường (kiểm tra đất, nước); đánh giá mức độ hài lòng của khách; phân phối lợi nhuận cho cộng đồng (ví dụ trích lập quỹ duy trì môi trường). Điều chỉnh quy trình canh tác và dịch vụ dựa trên phản hồi để phát triển bền vững.

Ví dụ thực tiễn:

1) Mô hình du lịch nông nghiệp trải nghiệm cà phê – Buôn Ma Thuật (Đắk Lắk)



Tại đây, du khách được trải nghiệm hái cà phê, phơi – rang – xay theo quy trình truyền thống. Có khu giải thích về nông học, đất bazan, khí hậu và giống cà

phê. Vỏ – bã cà phê được tái sử dụng làm phân hữu cơ, viên nén sinh học, đảm bảo mô hình kinh tế tuần hoàn. Tạo việc làm ổn định cho nông hộ và hình thành điểm OCOP du lịch nông nghiệp.

2) Mô hình trang trại rau hữu cơ – Trà Quế (phường Hội An, Đà Nẵng): Du khách trải nghiệm xới đất – bón phân hữu cơ – trồng và thu hoạch rau cùng nông dân. Hệ thống tưới tiêu sinh thái, không dùng phân hóa học, tạo không gian xanh – sạch – an toàn. Rau được dùng ngay trong trải nghiệm nấu ăn tại chỗ, tạo chuỗi “trồng – chế biến – thưởng thức”. Mô hình giúp phục hồi làng nghề nông nghiệp và tăng thu nhập gấp 2–3 lần so với trồng rau truyền thống.

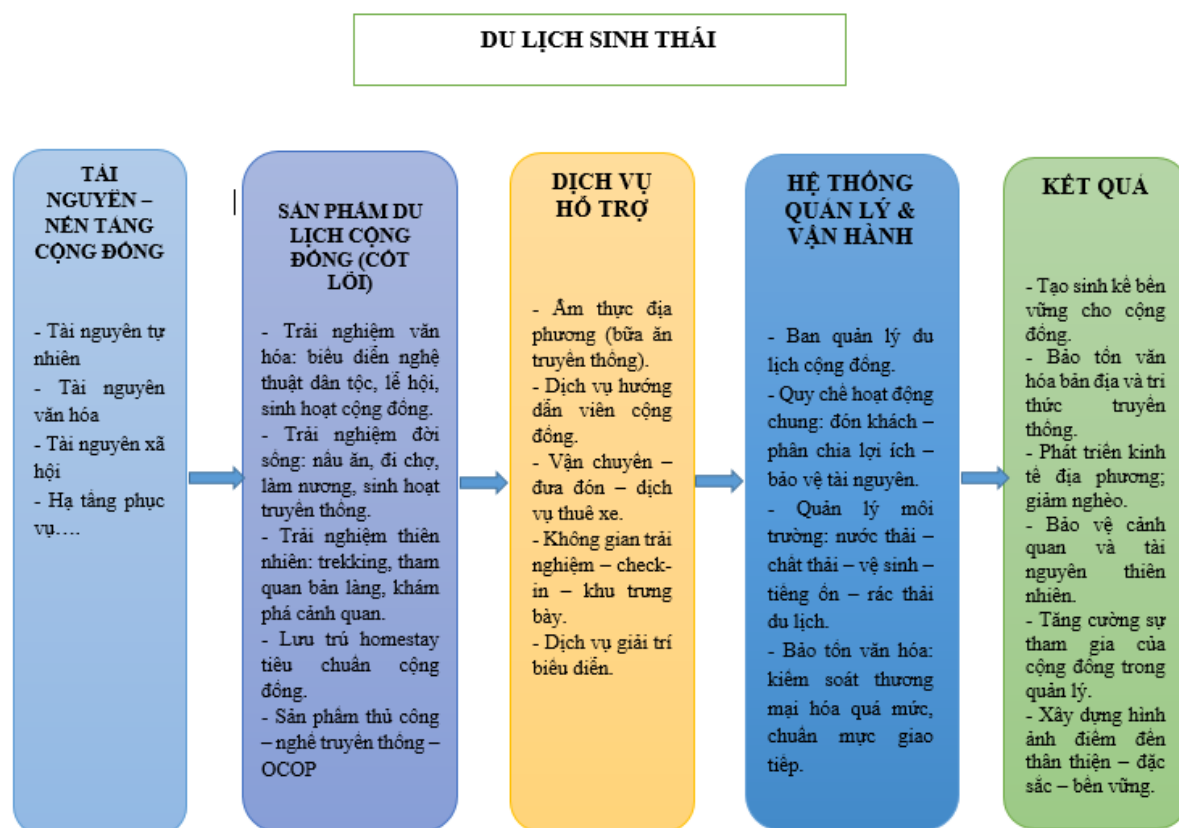


3.2. Mô hình du lịch cộng đồng

3.2.1. Mô tả:

Mô hình du lịch cộng đồng tập trung vào người dân địa phương làm chủ thể. Du khách lưu trú tại nhà dân (homestay), tham gia vào sinh hoạt hàng ngày và các lễ hội, nghi thức văn hóa bản địa. Qua đó, họ trải nghiệm văn hóa, ẩm thực dân dã và cuộc sống nông thôn chân thực. Đồng thời, cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp (tăng thu nhập, việc làm) và có trách nhiệm bảo tồn môi trường sống. Đây cũng là mô hình *du lịch xanh* khi hạn chế đầu tư nhà nghỉ tập trung, thay vào đó sử dụng các công trình hiện có của người dân với cải tạo nhỏ gọn.

3.2.2. Cấu trúc mô hình:



Hình 10. Cấu trúc mô hình di lịch sinh thái

3.2.3. Các yêu về bảo vệ môi trường

Cộng đồng cần xây dựng quy ước riêng cho du lịch cộng đồng: phân loại và thu gom rác thải (không đốt rác bừa bãi), bảo vệ nguồn nước (cấm xả thải sinh hoạt trực tiếp ra suối sông), bảo tồn kiến trúc truyền thống (không tùy tiện cải tạo nhà cửa làm mất cảnh quan). Các homestay phải đảm bảo vệ sinh, có nguồn nước sạch, trang bị thu gom rác; khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời, đèn LED tiết kiệm năng lượng. Người dân và khách du lịch phải chung tay giữ gìn môi trường: không vứt rác, không xả thải trực tiếp, giữ gìn không gian xanh.

3.2.4. Các bên tham gia mô hình và vai trò, trách nhiệm:

Cộng đồng địa phương (hộ gia đình, tổ hợp tác hoặc HTX du lịch cộng đồng) là chủ thể chính tự quản mô hình. UBND cấp xã và Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch hỗ trợ các thủ tục, kết nối thị trường. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn xây dựng quy ước, giám sát an toàn môi trường. Các doanh nghiệp lữ hành khai thác tour, trường học và tổ chức giáo dục khai thác chương trình du lịch học đường.

3.2.5. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành

Thành lập Ban quản lý du lịch cộng đồng: Bao gồm đại diện chính quyền địa phương, các hộ tham gia và đại diện cộng đồng. Ban này điều phối toàn bộ hoạt động du lịch (quảng bá, tổ chức sự kiện, giám sát) và chia sẻ lợi ích.

Xây dựng quy ước bảo vệ môi trường: Các thành viên thống nhất các quy định nội bộ (về xử lý rác thải, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn cảnh quan, lịch trình du lịch). Quảng bá quy ước này đến khách du lịch.

Đào tạo: Tổ chức các khóa tập huấn cho người dân về nghiệp vụ du lịch (đón tiếp, nấu ăn an toàn thực phẩm, hướng dẫn khách) và bảo vệ môi trường (dẫn giải và giáo dục du khách về cảnh quan, động thực vật địa phương).

Đầu tư cơ sở vật chất: Cải tạo và trang bị homestay (giường ngủ, vệ sinh đạt chuẩn); xây dựng bảng biển chỉ dẫn du lịch, khu xử lý rác thải; thiết lập nhà cộng đồng để tổ chức hội họp, giới thiệu văn hóa và các tiết mục truyền thống.

Liên kết và quảng bá: Ký hợp đồng với công ty du lịch lữ hành để đưa khách đến. Xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù (tham quan vườn mẫu, trải nghiệm nghề truyền thống, tham gia hội thi ẩm thực, thủ công); quảng bá rộng rãi qua mạng xã hội, trang thông tin điện tử của tỉnh.

Giám sát và chia sẻ lợi ích: Ghi nhận phản hồi của khách (hài lòng về gì, chưa đạt ở đâu). Ban quản lý cộng đồng có trách nhiệm phân phối công bằng lợi nhuận: một phần đầu tư tiếp tục duy trì bảo vệ môi trường, một phần cho quỹ cộng đồng, phần còn lại chia trực tiếp cho hộ dân tham gia.

Ví dụ thực tiễn:

(1) Du lịch cộng đồng Pù Luông – Thanh Hóa: Phát triển dựa vào bản Đôn, bản Hiêu, người Thái tham gia cung cấp homestay, ẩm thực, dẫn tour. Bảo tồn cảnh quan ruộng bậc thang, suối, thác Hiêu; hạn chế xây dựng bê tông hóa. Cộng đồng được hưởng lợi thông qua homestay, bán hàng thủ công, hướng dẫn viên bản địa. Có quy ước cộng đồng về vệ sinh môi trường, tiếng ồn, rác thải và bảo vệ nguồn nước.



2) Du lịch cộng đồng ở bản Tả Van – Sa Pa (Lào Cai): Đồng bào H'Mông, Dao, Giáy tham gia làm homestay, trekking, trải nghiệm dệt thổ cẩm, chế biến ẩm thực. Hình thành mô hình quản lý du lịch dựa vào cộng đồng: thu phí vệ sinh, phân công thu gom rác, xử lý nước thải sinh hoạt. Thu nhập của hộ dân tăng đáng kể nhờ dịch vụ lưu trú – hướng dẫn – bán sản phẩm thủ công. Du lịch gắn với bảo tồn văn hóa bản địa (múa xòe, thổi sáo, lễ hội mùa lúa).

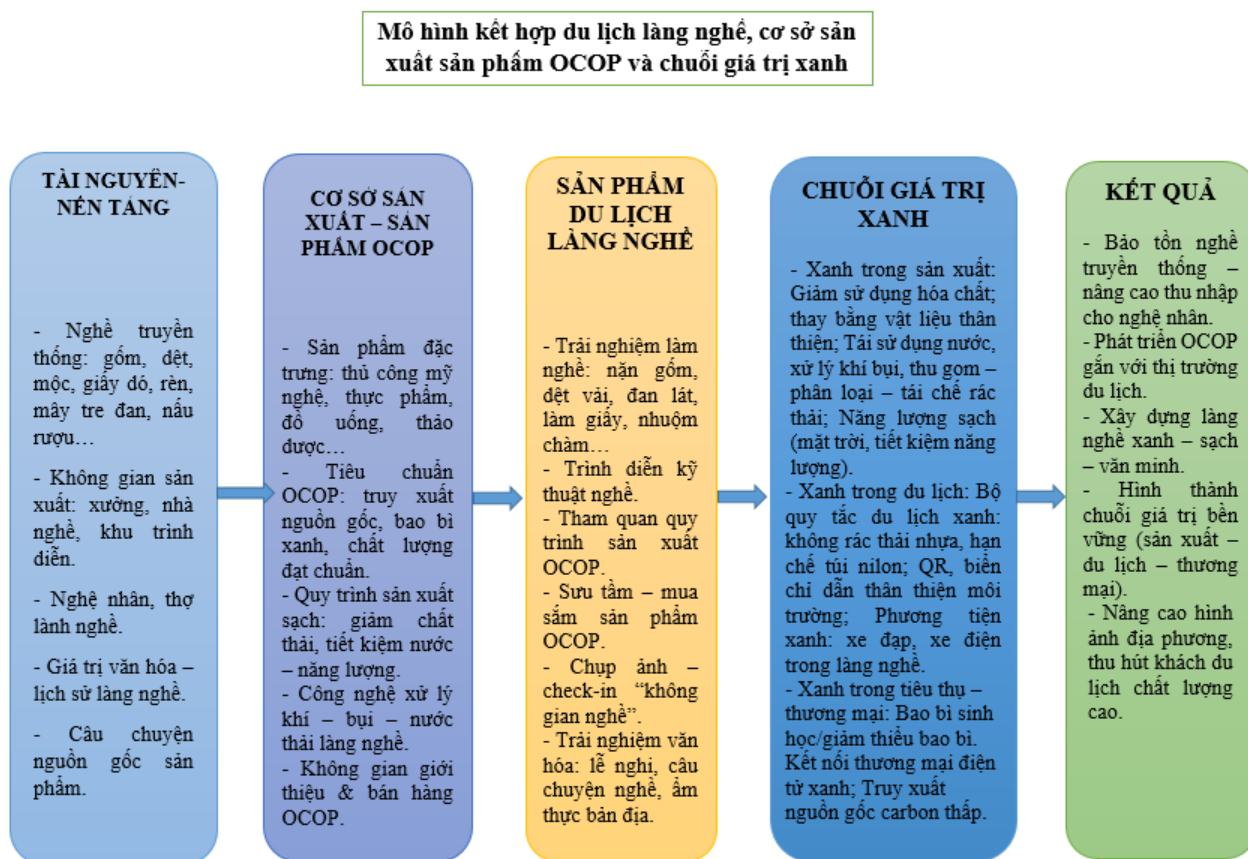


3.3. Mô hình kết hợp du lịch làng nghề, cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP và chuỗi giá trị xanh

3.3.1. Mô tả:

Du lịch làng nghề (truyền thống) hoặc sản phẩm OCOP kết hợp du lịch là mô hình khai thác di sản thủ công và sản xuất địa phương, trong khi vẫn giữ môi trường xanh. Ví dụ, làng nghề truyền thống (làng gốm, dệt, làm giấy, làm rượu) thu hút du khách vào tham quan xưởng, học nghề và mua sắm sản phẩm. Mô hình này gắn với sản xuất sạch, bảo vệ nguồn nguyên liệu thiên nhiên (đất, lá cây) và xử lý chất thải ngay tại làng nghề, không để làm ô nhiễm môi trường khu dân cư.

3.3.2. Cấu trúc mô hình



Hình 11. Cấu trúc mô hình du lịch làng nghề, cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP và chuỗi giá trị xanh

3.3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải trong sản xuất làng nghề (ví dụ: nước thải làng nghề, khí thải lò gốm, lò rèn...).

Ưu tiên sử dụng nguyên liệu thân thiện môi trường, có nguồn gốc bền vững.

Thiết kế bao bì sản phẩm thân thiện môi trường, hạn chế túi ni-lông.

Có khu vực trưng bày, giới thiệu về quy trình sản xuất xanh và nỗ lực BVMT của làng nghề/cơ sở.

3.3.4. Các bên tham gia mô hình và vai trò, trách nhiệm:

HTX làng nghề, chủ thể sản phẩm OCOP, UBND xã, Sở Công Thương, Sở TN&MT, DN du lịch.

Chủ thể chính: HTX làng nghề, chủ cơ sở sản xuất OCOP.

Hỗ trợ: Sở Công Thương (OCOP, làng nghề), Sở NN&MT (nguyên liệu), Sở TN&MT (kỹ thuật xử lý ô nhiễm).

Kết nối: Sở VHTTDL, doanh nghiệp lữ hành.

3.3.5. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành

Đánh giá hiện trạng và rủi ro môi trường: Kiểm tra hoạt động sản xuất hiện tại để xác định vấn đề môi trường (ví dụ: lượng nước thải, chất thải rắn, khói bụi). Phân tích khả năng thực thi giải pháp công nghệ sạch phù hợp.

Xây dựng giải pháp sản xuất xanh: Áp dụng công nghệ xử lý nước thải và khí thải (bể lọc, nồi hơi thu hồi nhiệt). Sử dụng máy móc ít khói bụi và nguyên liệu hữu cơ (hoá chất thay thế bằng phụ phẩm nông nghiệp). Lắp đặt hệ thống tiết kiệm năng lượng (đèn LED, năng lượng mặt trời).

Thiết kế tour trải nghiệm làng nghề: Tổ chức không gian tham quan (nhà trưng bày, xưởng nghề mở, lối dẫn). Kịch bản tour nên bao gồm: du khách tự tay trải nghiệm quy trình làm nghề (ví dụ: làm gốm, đan lát), mua quà lưu niệm OCOP, thưởng thức ẩm thực địa phương và tham gia trò chơi dân gian.

Đào tạo cộng đồng: Tập huấn cho thợ thủ công về kỹ năng hướng dẫn du khách, thuyết minh bảo vệ môi trường trong quá trình làm nghề; đào tạo kiến thức về quảng bá và bán hàng. Khuyến khích thế hệ trẻ làng nghề tham gia cải tiến kỹ thuật và sáng tạo sản phẩm.

Kết nối thị trường và quảng bá: Phối hợp với thương hiệu OCOP quốc gia để quảng bá sản phẩm tại các hội chợ, lễ hội. Liên kết với các công ty du lịch sinh thái, văn hóa tổ chức tour đến làng nghề. Đưa thông tin sản phẩm và quy trình xanh lên nền tảng kỹ thuật số (website, mã QR).

Giám sát và đánh giá: Định kỳ đánh giá hiệu quả môi trường (độ sạch nước, không khí) tại làng nghề, thu thập ý kiến du khách về trải nghiệm. Điều chỉnh mô hình dựa trên phản hồi để nâng cao uy tín làng nghề xanh, bền vững.

Làng gốm Bát Tràng – Hà Nội: Làng nghề + OCOP + Du lịch trải nghiệm xanh: Làng nghề truyền thống kết hợp với cơ sở sản xuất OCOP (gốm mỹ nghệ, gốm gia dụng). Du khách trải nghiệm nặn gốm – vẽ gốm, tham quan lò nung, xưởng chế tác.

Chuỗi giá trị xanh: Nhiều cơ sở chuyển sang lò gas/điện thay thế đốt than → giảm phát thải. Tái sử dụng bùn đất, nước rửa gốm; thu gom – phân loại bao bì hóa chất. Không gian phố gốm đi bộ, đường sạch – giảm tiếng ồn – hạn chế xe cơ giới trong giờ cao điểm. Khuyến khích việc thiết kế bao bì xanh cho sản phẩm OCOP.

Sản phẩm gốm được tiêu thụ ngay tại chỗ, tạo chuỗi giá trị khép kín “sản xuất – trải nghiệm – thương mại”.



2) Làng lụa Mã Châu – Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng): Nghề truyền thống + OCOP + Du lịch sinh thái văn hóa: Kết hợp làng nghề dệt lụa truyền thống với sản phẩm OCOP (lụa Mã Châu). Trải nghiệm du lịch: se tơ – dệt lụa, nhuộm màu tự nhiên từ lá cây, vỏ củ nâu.

Chuỗi giá trị xanh: Sử dụng thuốc nhuộm tự nhiên, giảm hóa chất; tái sử dụng nước nhuộm đã lọc. Phát triển vùng trồng dâu hữu cơ → thức ăn cho tằm → sợi lụa sạch. Hộ dân được tập huấn về xử lý nước thải nhuộm, thu gom rác thải tái chế.

Mô hình giúp khôi phục làng nghề, tăng thu nhập cho phụ nữ và bảo tồn văn hóa dệt truyền thống.

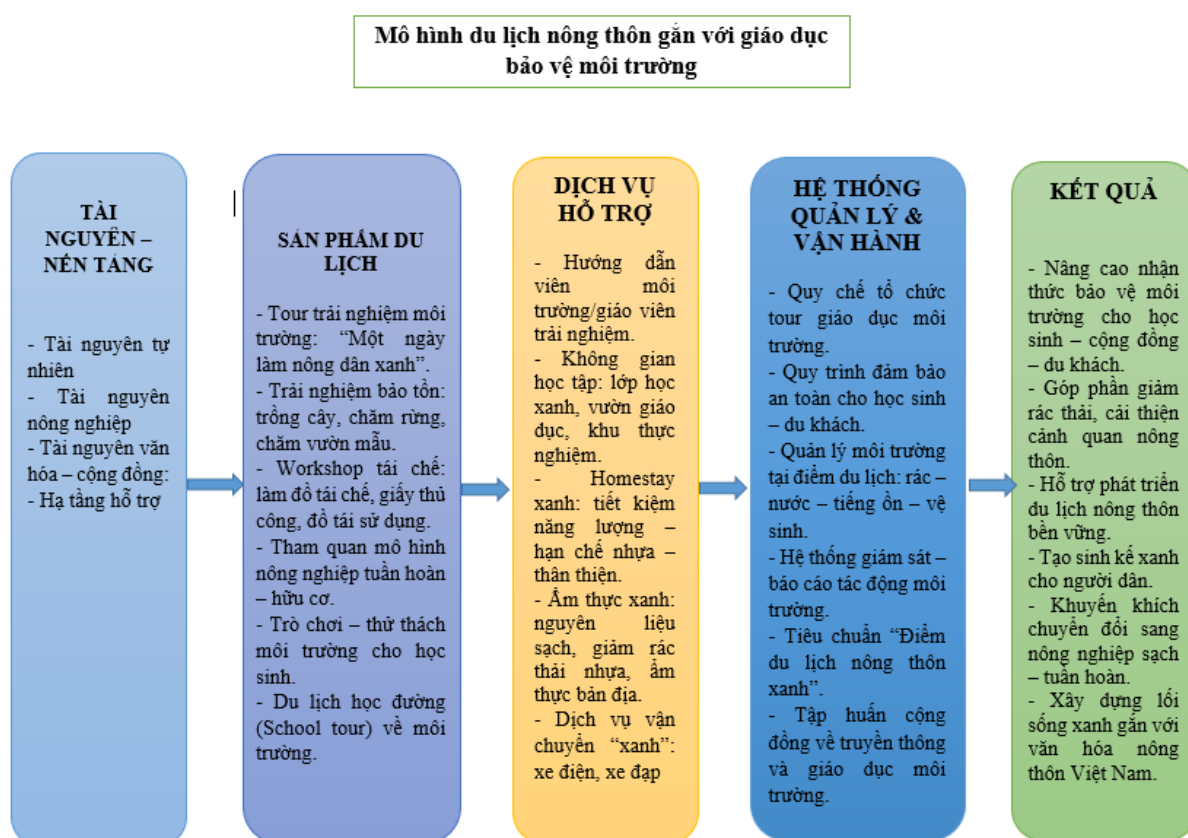


3.4. Mô hình du lịch nông thôn gắn với giáo dục bảo vệ môi trường

3.4.1. Mô tả mô hình:

Đây là mô hình kết hợp hoạt động du lịch với giáo dục môi trường cho du khách, học sinh – sinh viên, cộng đồng. Thông qua tham quan, trải nghiệm, và các chương trình tương tác, du khách được nâng cao nhận thức về phân loại rác, bảo tồn thiên nhiên, sử dụng tài nguyên bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu. Điềm đến trở thành “trường học ngoài trời”, giúp lan tỏa lối sống xanh.

3.4.2. Cấu trúc mô hình



Hình 12. Cấu trúc mô hình du lịch nông thôn gắn với giáo dục bảo vệ môi trường

3.4.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Có chương trình giáo dục môi trường được thiết kế phù hợp cho từng nhóm (học sinh, thanh niên, khách quốc tế).
- Cơ sở vật chất đảm bảo an toàn, thân thiện môi trường.
- Nội dung giáo dục gắn trực tiếp với thực tế địa phương (rừng, biển, sông, làng nghề, nông trại).

- Có tài liệu, bảng hướng dẫn, pano áp phích tuyên truyền bằng song ngữ (nếu cần).

3.4.4. Các hạng mục của mô hình

- Khu trải nghiệm giáo dục: vườn sinh thái, trạm phân loại rác, mô hình năng lượng tái tạo nhỏ (biogas, điện mặt trời).
- Lớp học ngoài trời: không gian sinh hoạt cộng đồng, khu hội thảo nhỏ.
- Đường mòn sinh thái – biển báo giáo dục: hướng dẫn khách nhận diện cây, động vật, hệ sinh thái.
- Bộ công cụ truyền thông: tài liệu, video, QR code truy xuất thông tin.

3.4.5. Các bên tham gia

- Chủ thể chính: cộng đồng/HTX du lịch, trường học địa phương.
- Hỗ trợ: UBND xã, Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở VH-TT-DL, Sở TN&MT.
- Đồng hành: các tổ chức bảo tồn (WWF, IUCN, GIZ, UNDP...), doanh nghiệp lữ hành, trường đại học.

3.4.6. Tổ chức thực hiện và cơ chế vận hành

Xây dựng chương trình giáo dục môi trường: Hợp tác với chuyên gia để soạn giáo án và hiện vật trưng bày các kiến thức về bảo vệ thiên nhiên, tư duy kinh tế tuần hoàn và ứng phó biến đổi khí hậu. Chương trình cần gắn với thực tế địa phương (ví dụ: tác động của biến đổi khí hậu đến vùng trồng lúa, vai trò rừng ngập mặn ở miền Trung).

Đầu tư cơ sở vật chất xanh: Tổ chức lớp học ngoài trời dưới tán cây rừng hoặc mái tranh rộng, khu sân tập miệt vườn; xây dựng vườn mẫu trưng bày các loài cây địa phương và quy trình xử lý chất thải thực phẩm; lắp đặt thùng rác phân loại, bảng biển khoa học. Sử dụng vật liệu thiên nhiên (tre, gỗ) và năng lượng tái tạo (thắp sáng bằng năng lượng mặt trời) cho các hạng mục xây dựng.

Đào tạo cộng đồng và tình nguyện viên: Huấn luyện người dân và hướng dẫn viên về phương pháp giáo dục trải nghiệm (EVT), kỹ năng làm việc với học sinh và du khách. Cung cấp tài liệu, video hướng dẫn và bộ công cụ dạy học (sinh lý thực vật, kính lúp, bài thí nghiệm nhỏ).

Kết hợp trường học và doanh nghiệp: Xây dựng tour “Học tập ngoài giờ” dành cho học sinh, kết nối giữa nhà trường và điểm trải nghiệm. Ký hợp tác với các công ty du lịch để triển khai tour giáo dục, đảm bảo an toàn và tính hấp dẫn. Tổ chức các chương trình ngoại khóa, hội nghị khoa học nhỏ tại điểm đến.

Giám sát và cải tiến: Định kỳ thu thập phản hồi từ giáo viên, học sinh và du khách về hiệu quả giáo dục. Đo lường mức độ tăng nhận thức (thí dụ thông qua khảo sát trước – sau chuyến đi). Điều chỉnh chương trình dạy học, nội dung triển lãm và quy mô hoạt động để nâng cao chất lượng giáo dục.

1) Mô hình “Trường học xanh – Trang trại giáo dục” tại nông trại Erahouse (Hà Nội): Học sinh trải nghiệm phân loại rác, tái chế chai nhựa thành chậu cây, đồ chơi. Thực hành ủ phân hữu cơ từ lá cây và rác hữu cơ tại trang trại. Tìm hiểu vòng đời cây trồng, thực vật bản địa, hệ sinh thái. Hoạt động “Một ngày làm nông dân xanh”: gieo hạt – chăm cây – thu hoạch. Cơ sở sử dụng vật liệu thân thiện (tre, gỗ), hệ thống nước tưới tiết kiệm.



2) Mô hình du lịch cộng đồng gắn với giáo dục môi trường – Làng cổ Đường Lâm (phường Sơn Tây, Hà Nội): Du khách tham gia “tour xanh”: đi bộ, xe đạp quanh làng → tìm hiểu cây cổ thụ, giếng làng, hệ sinh thái nông nghiệp truyền thống. Hoạt động nhặt rác – làm sạch đường làng, hướng dẫn phân loại rác và thu gom bao bì. Trải nghiệm nghề truyền thống (làm tương, làm kẹo dổi, làm chè lam) với quy trình tiết kiệm năng lượng – sử dụng nhiên liệu sạch. Chương trình giáo dục bảo vệ di tích – bảo tồn kiến trúc làng cổ cho học sinh và khách du lịch.

